

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Số: 26/2020/CV-DAG
(V/v: CBTT Báo cáo thường niên 2019)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

Công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Mã chứng khoán: DAG

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1 CN5 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Điện thoại: 024 3793 8686

Fax: 024 3793 8181

Web site: <http://www.dag.com.vn>

Địa chỉ: Tầng 9, tháp Tây, tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

- Công bố thông tin báo cáo thường niên 2019.
- Thông tin này đã được đăng tải trên web site của công ty theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và các tài liệu có liên quan

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Bá Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT.....
TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY	4
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN	4
II. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	5
III. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	8
IV. NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2019:.....	9
V. SỐ LƯỢNG CBNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	14
VI. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	15
VII. LĨNH VỰC KINH DOANH	17
VIII. CÁC DÒNG SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY	17
IX. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, TRIẾT LÝ KINH DOANH.....	23
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
I. THÀNH PHẦN CỦA HĐQT	24
II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG	24
III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2019	23
V. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2019	25
BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH.....	27
I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019	27
II. CÁC THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NĂM 2019:	29
III. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2020	29
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THÔNGIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị Cổ đông và các khách hàng thân thiết của DAG.

Sau 18 năm hình thành và phát triển, DAG hoạt động theo mô hình công ty mẹ con, trong đó DAG giữ vai trò là công ty mẹ và có 3 công ty con với 3 nhà máy sản xuất chủ lực phục vụ chủ yếu cho ba thị trường Bắc, Trung, Nam và được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán DAG. Doanh thu của Tập đoàn hàng năm gần 2.000 tỷ đồng với các sản phẩm như: thanh Profile uPVC mang nhãn hiệu Shide Profile và Sea Alpha Profile; tấm PVC cao cấp – PVSmart; Tấm Trần Thả PVC; Tấm tủ nhựa, cửa uPVC có lõi thép gia cường nhãn hiệu Smartwindow; tấm PP (Danpla): tấm Fomex; tấm Mica ... Các sản phẩm này đã và đang được người tiêu dùng trên cả nước biết đến với chất lượng và mẫu mã đa dạng, giá cả cạnh tranh, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của Á Đông.

Với chiến lược phát triển bền vững bằng sự đầu tư có trọng điểm, DAG chuyên tập trung sản xuất các sản phẩm vật liệu mới bằng công nghệ hiện đại hướng đến các sản phẩm thân thiện với môi trường và an toàn cho người sử dụng. Trong năm 2019 DAG tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền, máy móc để tăng cường năng lực sản xuất của tấm trần thả công nghệ mới đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

Bên cạnh những cải tiến về công nghệ, DAG cũng quan tâm chặt chẽ đến vấn đề chất lượng sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty đã quyết tâm áp dụng và tuân thủ tiêu chuẩn ISO 9001 – 2015 nhằm quản lý tốt hơn nữa chất lượng sản phẩm cũng như nâng cao tính hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đi đôi với việc cải tiến, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm. DAG cũng luôn quan tâm chặt chẽ đến vấn đề an toàn vệ sinh trong quá trình sản xuất, chăm lo đời sống sức khỏe của các CBCNV trong Công ty và tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, xã hội: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho các CBCNV trong toàn tập đoàn; đến thăm và tài trợ kinh phí khám chữa bệnh cho bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại Bệnh viện Nhi Trung ương; Tặng nhà tình nghĩa cho gia đình có công với cách mạng tại huyện Thanh Trì; Tham gia ủng hộ, giúp đỡ đồng bào miền núi phía Bắc bị ảnh hưởng bởi thiên tai;...

Có được kết quả ngày hôm nay, DAG vô cùng biết ơn sự quan tâm của các quý vị cổ đông, các nhà đầu tư, và các đối tác trong và ngoài nước, đã đồng hành cùng DAG trong suốt 19 năm qua. Kính chúc quý cổ đông cùng gia đình nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thành viên Ban Điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên DAG đã không ngừng nỗ lực để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tôi xin cảm ơn sự đồng hành của Quý Cổ đông và Quý Đối tác, sự tin tưởng, ủng hộ của Quý Khách hàng trong thời gian qua và mong muốn tiếp tục nhận được nhiều hơn nữa niềm tin và sự hợp tác từ Quý vị .

Trân trọng!

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

I. Lịch sử hình thành phát triển

Năm 2001:
Thành lập công ty TNHH Nhựa Đông Á với VĐL 2,5 tỷ đồng

Năm 2003:
Sản xuất cửa nhựa

Năm 2006:
Chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần

Năm 2008:
+ Cung cấp tấm PP ra thị trường
+ Sản xuất gioăng cao su cho lắp đặt cửa Upvc và cửa hợp kim nhôm

Năm 2010:
Niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Năm 2016:
Đầu tư và hoàn thiện nhà xưởng Profile với trạm trộn tự động cùng 17 dây chuyền công nghệ châu Âu

Năm 2018 : Đầu tư thêm dây chuyền sản xuất tấm trần thả công nghệ mới, mở rộng nhà máy đầu tư thêm dây chuyền sản xuất hạt nhựa....



Năm 2002:
Đầu tư dây chuyền SX tấm ốp trần, cửa xép

Năm 2005:
Đầu tư sản xuất cửa nhựa Upvc có lõi thép gia cường:
Smartwindow

Năm 2007:
+ Thành lập Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Công ty TNHH một hành viên S.M.W
+ Cung cấp sản phẩm thanh Upvc Profile

Năm 2009:
Thành lập Công ty TNHH một thành viên Nhựa Đông Á -DAS
+ Đưa sản phẩm bột Hiflex ra thị trường

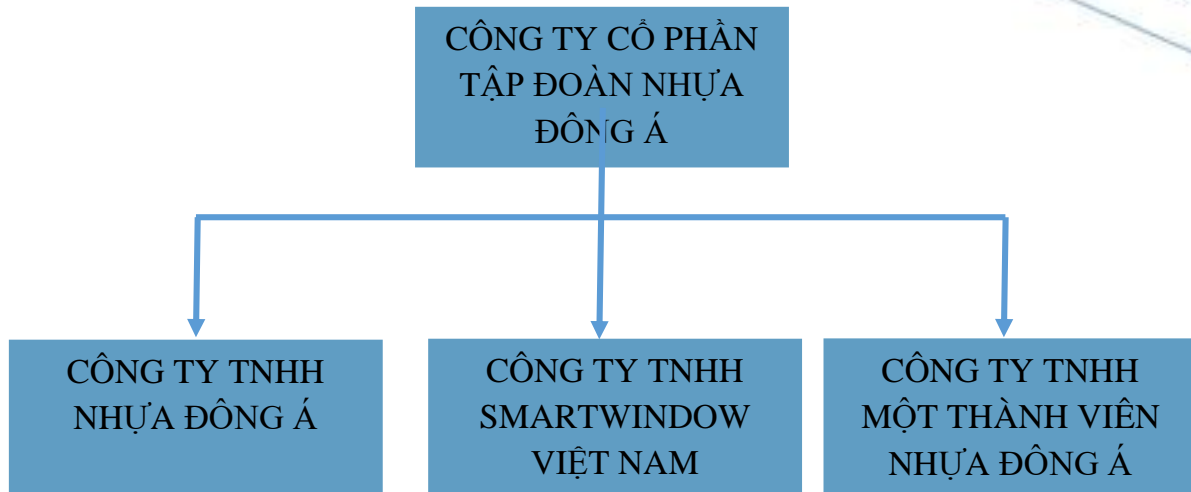
Năm 2011:
Sản xuất tấm nhôm composite với thương hiệu DAG-ALU

Năm 2017:
Tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền, máy móc để tăng cường năng lực sản xuất của tấm PP, tấm Fomex, Smartdoor và tấm Mica để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

Năm 2019:
Tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền tấm trần thả PVC, đẩy mạnh sản xuất Mica và Tấm Fomex chiếm lĩnh thị phần trong nước.

II. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con. Trong đó công ty mẹ quản lý vốn góp tại các Công ty con, công ty liên kết. Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:



❖ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Tầng 9, Tháp Tây- Tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội.

Chức năng nhiệm vụ: Thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là chủ sở hữu trong mối quan hệ với công ty thành viên theo quy định tương ứng của pháp luật có liên quan. Quản lý vốn góp và hoạt động tại các Công ty con. Lựa chọn và quyết định lĩnh vực, hình thức đầu tư và kinh doanh vốn theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm hiệu quả, khả năng sinh lời và phù hợp với quy định của pháp luật. Xây dựng, duy trì và kiểm soát các hoạt động chung của tập đoàn. Nhập khẩu và phân phối các sản phẩm vật liệu trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất, quảng cáo.

❖ Công ty TNHH Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Hà Nam

Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất, quảng cáo như: hạt nhựa, cửa nhựa, tấm trần ốp, tấm trần thả, thanh Profile, bạt Hi-Flex, tấm PP Công nghiệp, tấm mica, tấm nhôm composite, nẹp trang trí...

Vốn điều lệ 159.330.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%

❖ Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam

Địa chỉ: Khu CN Ngọc Hồi Thanh Trì, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất cửa nhựa uPVC có lõi thép gia cường hiệu; cửa hợp kim nhôm - vách kính dựng nhãn hiệu Smartwindow, Smartdoor và là nhà kho liên hoàn kinh doanh hàng sản xuất của Nhựa Đông Á Hà Nam và

Vốn điều lệ hàng nhập khẩu.
36.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%

❖ **Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất kinh doanh, các sản phẩm vật liệu trong xây dựng và quảng cáo.
Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%

TRỤ SỞ CHÍNH



NHÀ MÁY HÀ NAM



NHÀ MÁY TÂN TẠO - HCM

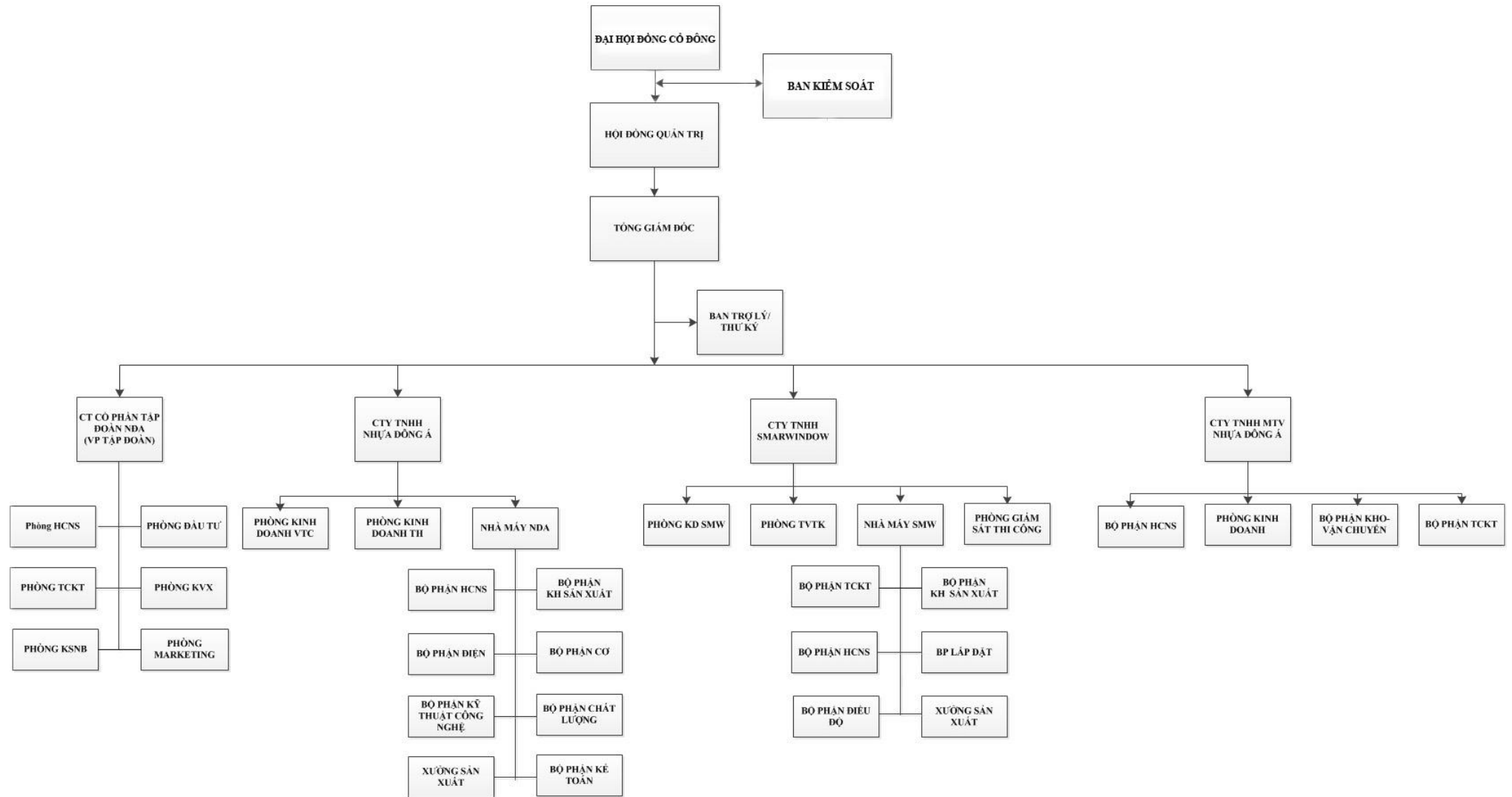
DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT



- Tên công ty** : Công ty cổ phần tập đoàn Nhựa Đông Á
Tên tiếng Anh : Dong A Plastic Group Joint Stock Company
Tên viết tắt : Dong A Plastic Group
Trụ sở : Lô 1 CN5 Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi,
xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Điện thoại : 024 3793 8686
Fax : 024 3793 8181
Website : <http://www.dag.com.vn>
Email : info@dag.com.vn
Vốn điều lệ : 517.950.850.000 đồng

III. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được cơ cấu và tổ chức bộ máy hoạt động, quản lý như dưới đây:



IV. Những sự kiện nổi bật trong năm 2019:

1. Được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2019



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



HỘI DOANH NGHIỆP HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

CHỨNG NHẬN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á (DAG)**

ĐẠT DANH HIỆU
HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO 2019
DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

NGÀNH HÀNG
NHỰA CÔNG NGHIỆP

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2019

HỘI DN HVNCLC
CHỦ TỊCH



Vũ Kim Hạnh
VŨ KIM HẠNH

SỐ: 388/2019-ĐCN-HVNCLC

2. DAG tham gia triển lãm Lãm quốc tế Vietbuid





Chương trình khai mạc Vietbuild 2019 diễn ra đặc sắc



Khách hàng dành sự quan tâm lớn tới gian hàng và sản phẩm



Các nhà tài trợ chính của Vietbuild 2019 nhận hoa và cúp lưu niệm



Gian hàng DAG tại Vietbuild Hà Nội



Gian hàng DAG tại Vietbuild Đà Nẵng



Gian hàng DAG tại Vietbuild HCM

3. DAG tài trợ chính cho phiên chợ công nhân năm 2019 do tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tổ chức



4. DAG ký hợp tác toàn diện với BIDV HÀ NỘI



V. Số lượng CBNV và chính sách đối với người lao động

1. Số lượng Cán bộ - Công nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2019, DAG có tổng cộng hơn 480 CB-CNV. Trong đó tỷ lệ CB-CNV tốt nghiệp Đại học, trên Đại học đạt 35% và tỷ lệ lao động có trình độ tay nghề bậc 4/7 đạt 65% tổng số lao động phổ thông tại các nhà máy.

2. Chính sách, chế độ đối với người lao động

Một trong những trọng tâm phát triển của DAG là thu hút, đào tạo và tạo sự gắn kết lâu dài của CB-CNV với Công ty. Trên cơ sở đó, DAG thực hiện những chính sách đào tạo và các chế độ khen thưởng, phụ cấp ... dựa trên mô tả công việc, chú trọng áp dụng các kiến thức, kinh nghiệm, thực hành thực tế phối hợp với hệ thống phân loại, hệ thống đánh giá CB-CNV một cách đồng bộ và bài bản.

3. Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong các công tác nhân sự hàng đầu của DAG. Chính sách đào tạo của DAG có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, thành thạo về nghiệp vụ trong sản xuất – kinh doanh, giữ gìn đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.

Mỗi cá nhân CB-CNV làm việc tại DAG đều có cơ hội tiếp cận với các khóa đào tạo về tay nghề và bồi dưỡng kiến thức theo quy định của Công ty. Ngoài ra, trong từng thời kỳ, DAG đều tổ chức và đài

tho chi phí cho các khóa đào tạo ngắn/dài hạn hướng tới nâng cao năng lực và đào tạo chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng thời kỳ đổi mới và phát triển.

Đồng thời, định kỳ Công ty cũng tổ chức hướng dẫn, đào tạo cho CBCNV về tiêu chuẩn áp dụng trong sản xuất kinh doanh giúp cho CBCNV luôn thực hiện đúng và đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

4. Công tác thi đua, sáng kiến cải tiến

+ Công tác thi đua hoàn thành nhiệm vụ được tổ chức thành 3 đợt trong năm. Thi đua giữa cá nhân với cá nhân, giữa các tổ đội sản xuất, giữa các bộ phận với nhau nhằm hoàn thành trước kế hoạch được giao

+ Thường xuyên tổ chức những thi đua đưa ra các sáng kiến cải tiến tiết kiệm chi phí, tiết kiệm sức lao động dù là nhỏ nhất, và có những động viên khích lệ kịp thời.

+ Trong năm, Tập đoàn còn tổ chức cuộc thi tìm hiểu về thương hiệu DAG, về các thương hiệu sản phẩm nhằm gắn kết người lao động với công ty.

5. Công tác đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất

Trong năm DAG đã đưa chuẩn chương trình bảo đảm an toàn sản xuất áp dụng đồng bộ cho các nhà máy. Trong năm 2019, Công ty đã:

+ Tổ chức huấn luyện cho hơn 300 người về công tác an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất

+ Huấn luyện và đào tạo về công tác sơ cứu, cấp cứu

+ Huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy.

+ Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, các trang thiết bị bảo hộ cho người lao động tại các nhà máy.

6. Chính sách lương, thưởng

Duy trì ổn định mức thu nhập và công việc làm đối với gần 500 CBCNV trong năm qua là mục tiêu quan trọng của DAG. Ngoài ra, DAG đảm bảo chế độ khen thưởng cho CBCNV theo quy định của Luật lao động và tổ chức nhiều phong trào phát động thi đua trong toàn hệ thống. Hàng năm, DAG đều đặn tổ chức sơ kết, tổng kết thi đua nhằm khen thưởng kịp thời CBCNV có thành tích xuất sắc

7. Phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp

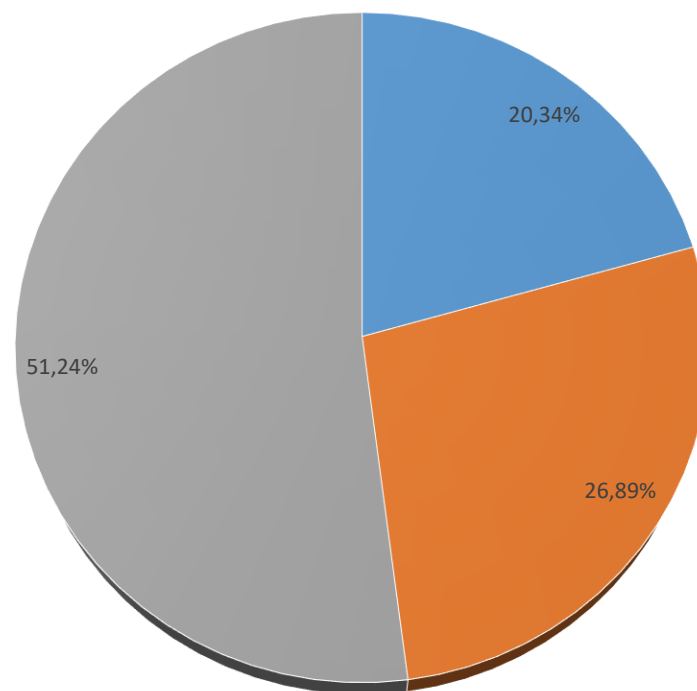
Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, DAG còn có chương trình thưởng định kỳ vào các dịp lễ (Tết nguyên đán, 30/4, 08/03, 20/10 ...), bảo hiểm thân thể 100% cho đội ngũ lắp đặt, tổ chức bếp ăn tập thể tại các nhà máy sản xuất và bảo hộ lao động cho hệ thống công nhân sản xuất.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân viên, đặc biệt là cán bộ nữ.

Song song đó, DAG định kỳ đều tổ chức và duy trì các hoạt động mang tính chất văn hóa doanh nghiệp như: tổ chức giao lưu văn nghệ, tham quan, nghỉ mát, tổ chức các hoạt động hè cho con em CBCNV ... nhằm gắn kết các cá nhân trong hệ thống và đáp ứng đời sống tinh thần cho CBC

VI. Cấu Cổ Đông

Cơ Cấu Cổ Đông



■ Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát ■ Công ty TNHH đầu tư và phát triển NBH ■ Other

VII. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á hoạt động kinh doanh chủ yếu trên lĩnh vực sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa:

VIII. Các dòng sản phẩm chính của công ty



Sản phẩm DAG chinh phục người Việt qua tôn chỉ: "Uy tín khởi nguồn từ chất lượng"

Sản phẩm chính của Công ty Nhựa Đông Á chủ yếu là các sản phẩm nhựa PVC, PE, PP, PS, PMMA... với hơn 100 loại sản phẩm các loại được chia thành 8 nhóm sản phẩm chính:

- ❖ Hạt nhựa PVC, Tấm ốp trần, Nẹp trang trí..
- ❖ Tấm trần thả công nghệ mới
- ❖ Smartwidow, Smartdoor: Cửa uPVC có lõi thép gia cường, Cửa nhôm vách kính dựng.
- ❖ Thanh Profile uPVC
- ❖ Tấm PP công nghiệp
- ❖ Tấm mica PS & Acrylic (PMMA)
- ❖ Tấm nhôm composite.
- ❖ Tấm Fomex
- ❖ Tấm PVSmart
- ❖ Tấm Tủ Nhựa và các sản phẩm thương mại khác
- ❖ Chi tiết về từng nhóm sản phẩm như sau:
- ❖ **Sản phẩm truyền thống:** Tấm ốp trần, cửa nhựa và nẹp trang trí...



Nhóm sản phẩm tấm ốp trần, cửa nhựa, nẹp trang trí phục vụ trong các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp hiện nay là sản phẩm truyền thống của Công ty từ những ngày đầu hoạt động. Các loại sản phẩm này đa dạng và phong phú về chủng loại, bao gồm: tấm ốp trần sản xuất theo công nghệ Đài Loan với kích thước tiêu chuẩn 6000mm*200mm*8mm, đặc biệt sản xuất chiều dài

theo yêu cầu của dự án; sản phẩm tấm trần thả với kích thước 600m*600m*8mm và 1200m*600m*8mm; cửa nhựa với kích thước tiêu chuẩn 750mm*1900mm và có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng.

Sản phẩm tấm ốp trần, cửa nhựa và nẹp trang trí ngày càng được sử dụng nhiều trong cuộc sống nhờ những tính năng nổi trội như: dễ thi công, dễ vận chuyển, nhẹ và đàn hồi, dễ bảo trì, giá thành rẻ, chi phí lắp đặt thấp, màu sắc đa dạng và phong phú...

❖ Sản phẩm tấm trần thả



Trước đây, trong ngành nội thất như khách sạn, nhà ở, văn phòng, bệnh viện, trường học... người tiêu dùng thường làm trần bằng các vật liệu truyền thống như tấm sợi khoáng, tấm trần nhôm, tấm thạch cao. Tuy nhiên, hạn chế của các tấm trần truyền thống là không chịu được nước, bị tiêu hao, thi công phức tạp, màu sắc đơn giản, giá thành lại cao. Trong trang trí nội thất hiện đại, tấm trần thả PVC ngày càng được sử dụng phổ biến trong các công trình xây dựng. Những ưu điểm của tấm trần thả PVC có thể hoàn toàn khắc phục được những nhược điểm của các tấm trần truyền thống.

Tấm trần thả PVC là vật liệu dạng tấm, được tạo thành từ thành phần chính là Polivinyl Clorua (thường được ký hiệu là PVC) cùng các chất phụ gia chống lão hóa, chịu được va đập. Ưu điểm: - Chống nước: được sản xuất theo dây chuyền công nghệ cao, sự phối trộn PVC với các chất phụ gia và chất tăng cứng, chất chống lão hóa cùng khả năng chống nước tuyệt đối là ưu điểm đầu tiên khi nói đến sản phẩm trần thả PVC của DAG. - Chống cháy, chống nóng tốt: tấm trần thả PVC có thể ngăn được 95 – 97% bức xạ nhiệt từ bên ngoài, hạn chế và ngăn chặn quá trình hấp thụ nhiệt. Vì vậy mà trần nhựa được coi là vật liệu chống nóng hiệu quả nhất. Ngoài ưu điểm cách nhiệt thì trần nhựa còn có một số ưu điểm khác như nhẹ, khả năng cách âm, chống ồn. - Màu sắc phong phú, đa dạng: ưu điểm đặc biệt của tấm trần thả PVC của DAG so với các tấm trần thả truyền thống là sự đa dạng về màu sắc, tái tạo được màu tự nhiên, sống động, hiển thị các hoa văn phong phú, trung thực. - Dễ thi công, dễ lắp đặt: Do đặc tính bền nhẹ nên tấm trần thả rất thuận tiện cho việc lắp đặt và vận chuyển cho kết cấu công trình lớn, vì vậy việc thi công nhanh chóng, thuận tiện hơn. - Hiệu quả kinh tế cao: So với một số loại trần theo truyền thống thì tấm trần thả PVC giá thành nguyên liệu hợp lý hơn, thời gian sử dụng lâu dài, khó bị vỡ nên giảm tiêu hao vật liệu khi thi công; lại dễ dàng trong việc vệ sinh, lau chùi. - An toàn sức khỏe:

Hiện nay xu hướng của người sử dụng là chọn lựa được những vật liệu thân thiện với môi trường vì thế tấm trần thả PVC của DAG càng được ưa chuộng hơn bởi đặc tính này. Đây là dòng vật liệu "xanh", an toàn cho sức khỏe - không chứa các chất độc hại: formaldehyd, lưu huỳnh... Tập Đoàn Nhựa Đông Á còn cung cấp các sản phẩm tấm trần thả PVC vân giống những đường vân của gỗ tự nhiên.

Đây là loại vật liệu mới, an toàn và tiết kiệm năng lượng mang lại hiệu quả rõ rệt. Ứng dụng: Thay thế tấm trần thạch cao & các vật liệu làm trần truyền thống: trang trí trần nhà ở, văn phòng, bệnh viện, trường học, khách sạn ...

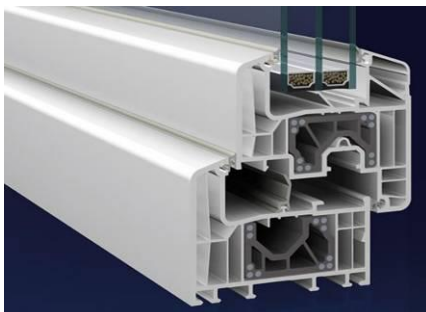
❖ Sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường (Smartwidow)



Từ năm 2003, Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu về sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường - sản phẩm được sử dụng rộng rãi tại các nước Châu Âu. Năm 2005, sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường của Nhựa Đông Á mang nhãn hiệu SmartWindows chính thức xâm nhập thị trường, và tới cuối năm 2008, sản phẩm đã chiếm 25% doanh thu của Công ty. Cấu tạo của cửa nhựa SmartWindows gồm các cấu kiện như sau: thanh Profile, kim khí phụ kiện, và vật tư phụ. Trong đó, thanh Profile (vật liệu tổng hợp uPVC kết hợp với chất phụ gia – chống lão hóa, chịu va đập, chống cháy...) là thành phần chủ yếu của cửa SmartWindows.

Các tính năng nổi bật của sản phẩm cửa uPVC là cách âm, cách nhiệt, không bị mối mọt, không cong vênh co ngót, chống lão hóa, chống cháy và có tính chịu va đập cao, không bị ôxi hóa, không bạc màu, thiết kế khoa học và thuận tiện trong quá trình thi công, dễ lau chùi và bảo quản, không phải tu dưỡng định kỳ, có độ bền cao, duy trì chất lượng sử dụng cao trong thời gian dài, đặc biệt góp phần thiết thực bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho bản thân và cộng đồng.

❖ Sản phẩm thanh uPVC Profile



Trong những năm đầu, Công ty chưa thể trực tiếp sản xuất thanh Profile, do đó vẫn phải nhập khẩu ở một số nước như Đức và Trung Quốc.

Sau gần 2 năm nhập khẩu thanh Profile và nghiên cứu, nắm bắt nhu cầu thị trường, năm 2007 Công ty đầu tư sản xuất và là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực sản xuất thanh Profile uPVC tại Việt Nam. Sản phẩm Sea Profile là sản phẩm được sử dụng trong lĩnh vực chế tạo các loại cửa uPVC thay thế các loại gỗ với đặc tính cách âm, cách nhiệt, không bị mối mọt, không cong vênh co ngót biến dạng do tác động của môi trường, chống cháy, chống lão hóa, có tính chịu va đập cao, không bị ôxi hóa, không bạc màu, có độ bóng và độ bền cao dễ lau chùi bảo quản.

Đến năm 2012, công ty nhập khẩu 10 dây chuyền đùn Kraussmaffei của Germany và hệ thống trộn của Plasmec Italia giúp tiết kiệm được thời gian, chi phí sản xuất và tạo ra sản phẩm bền đẹp làm nguyên liệu cho ngành cửa uPVC có lõi thép gia cường đáp ứng nhu cầu tiêu dùng chất lượng cao

trên toàn quốc và đạt phù hợp tiêu chuẩn Châu Âu BSEN 12608 với nhãn hiệu SHIDE PROFILE, công xuất hàng chục nghìn tấn /năm.

Sản phẩm có khả năng chống lão hóa dưới tác dụng của tia cực tím nên có thời gian sử dụng lâu hơn sản phẩm khác cùng loại trên thị trường cũng như sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc.

Năm 2016, công ty đã đầu tư thêm nhà máy Profile có diện tích gần 20.000 m² với 17 dây chuyền hàng đầu của Châu Âu sản xuất thanh Profile nâng tổng công suất sản xuất thanh Profile lên hơn 41.000 tấn/năm.

❖ Sản phẩm tấm PP công nghiệp (Danpla)



Sản phẩm tấm PP được sản xuất từ nguyên liệu ngoại nhập và các phụ gia được sản xuất theo công nghệ ép đùn tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao bao gồm tấm phẳng, màu sắc tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng. Sản phẩm có độ bền kéo rất tốt.

Sản phẩm được dùng làm vật liệu trong ngành xây dựng, trang trí nội thất, bao bì công nghiệp và các vật liệu quảng cáo.

❖ Tấm nhôm composite



Tấm lợp nhôm composite được Công ty đầu tư sản xuất trong năm 2011 với công nghệ tự động mới nhất của Đài Loan đạt độ đồng nhất cao về độ dày, thành phần nên có độ dẻo cao, chịu được lực uốn cong và căng kéo giúp thuận lợi cho thi công và thiết kế.

Trong quá trình sản xuất, sản phẩm được bổ sung thành phần phụ gia chống cháy giúp công trình chống cháy và thích nghi với điều kiện khí hậu nắng nóng, bảo vệ tài sản, sức khỏe con người.

❖ Tấm mica (PS)

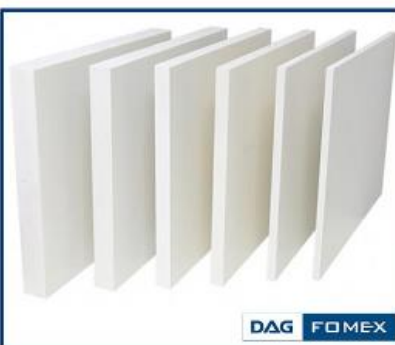
Sản phẩm tấm mica (PS) được sản xuất từ nguyên liệu ngoại nhập polystyren được sản xuất theo công nghệ ép đùn tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao bao gồm tấm phẳng được tạo vân hoặc màu sắc tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.

Sản phẩm có khả năng chống lão hóa dưới tác dụng của tia cực tím nên có thời gian sử dụng lâu hơn sản phẩm khác cùng loại trên thị trường.

Sản phẩm được dùng làm vật liệu trong ngành trang trí nội thất và các vật liệu quảng cáo. Tới năm 2017, dự kiến năng lực sản xuất của Công ty đạt hơn 3.500 tấn/ năm.



❖ Sản Phẩm tấm Fomex



Để hòa nhập vào công nghệ số hiện đại 4.0, DAG đã liên tục đầu tư để thay đổi sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường nhằm thay đổi thói quen và hướng tới “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”, năm 2018, Tập đoàn Nhựa Đông Á (DAG) đã cho ra đời dòng sản phẩm tấm Fomex mang tính ưu Việt.

Tấm Fomex của DAG được sản xuất trên dây chuyền đồng bộ, hiện đại, có tính tự động hoá cao, luôn tuân thủ theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

Tấm fomex của DAG được ứng dụng đa dạng trong các lĩnh vực của cuộc sống nhờ những đặc tính ưu việt hơn so với những loại vật liệu khác.

Sản phẩm tấm Fomex của DAG được ứng dụng trong:-Ngành quảng cáo: in biển báo, bảng hiệu, bảng treo quảng cáo & biển triển lãm -Dùng trong công nghiệp: tấm ốp tường, tủ và buồng điều khiển, các cấu trúc trong môi trường dẫn mòn-Thi công Nội, Ngoại thất: trang trí, làm vách ngăn –vách che, đồ đạc trong văn phòng nhà bếp, cửa sổ. Trang trí trong tàu thủy, tàu hơi nước, xe bus, xe lửa, tàu điện ngầm.

❖ Sản phẩm tấm Pvsmart

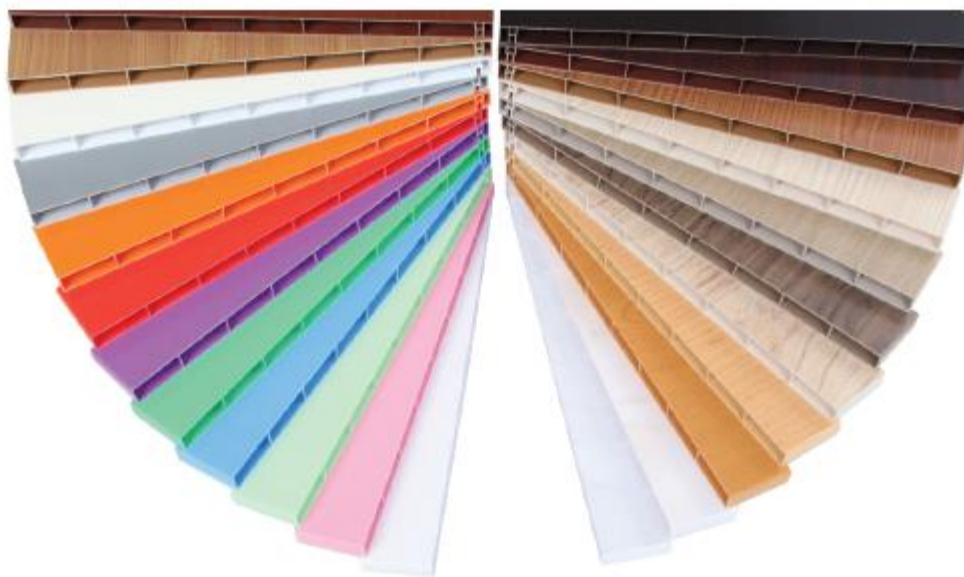


Năm 2019, Tập đoàn Nhựa Đông Á (DAG) tạo nên bước tiến dài khi sản xuất thành công tấm nhựa gỗ PVSmart mang thương hiệu Việt – một loại vật liệu mới thay thế vật liệu truyền thống ngày càng khan hiếm, giảm giá thành và không tốn quá nhiều công sức.

Tập đoàn Nhựa Đông Á (DAG) đã cho ra đời dòng sản phẩm mới mang tính ưu Việt là tấm nhựa gỗ PVSmart (tấm PVSmart): - Vật liệu xanh - Không thấm nước - Chống mối mọt - Chống cháy - Độ bền vượt trội - Tiết kiệm chi phí - Bề mặt cứng, nhẵn và bóng Ứng dụng: - Ngành quảng cáo: in biển báo, bảng hiệu, bảng treo quảng cáo & biển triển lãm - Dùng trong công nghiệp: làm vách ngăn, ván che, sàn nhựa – gỗ. - Thi công Nội, Ngoại thất: đồ đạc trong văn phòng nhà bếp, cửa sổ. Trang trí trong tàu thủy, tàu hơi nước, xe bus, xe lửa, tàu điện ngầm.

❖ Sản phẩm tấm tủ nhựa





Tấm nội thất PVC 2 lớp của DAG được cấu tạo hoàn toàn từ những hạt nhựa Polyvinylclorua (hay còn gọi là nhựa PVC), sử dụng công nghệ phun sơn hiện đại tránh phai màu, không bong tróc với độ bền cao thích hợp với khí hậu nhiệt đới tại Việt Nam.

Tấm nội thất PVC 2 lớp DAG được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, là loại vật liệu có độ bền cơ học, hoá học cao, chống ăn mòn, ... phù hợp với môi trường và với đa dạng phong cách công trình nội, ngoại thất.

IX. Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh

Tầm nhìn

- ❖ Phát triển DAG thành một Công ty sản xuất vật liệu xây dựng - trang trí nội thất hàng đầu Việt nam và hướng tới tập đoàn kinh tế đa ngành, đa nghề dựa trên nền tảng phát triển bền vững.

Sứ mệnh

- ❖ Phát triển bền vững, đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.
- ❖ Tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, hiệu quả dưới mái nhà chung của DAG.
- ❖ Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, uy tín và thân thiện với môi trường.

Giá trị cốt lõi

- ❖ Lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng.
- ❖ Lấy quản lý để mưu cầu hiệu quả.
- ❖ Lấy chất lượng để mưu cầu sinh tồn.
- ❖ Lấy uy tín để mưu cầu phát triển.

Cam kết

- ❖ **Đối với khách hàng:** Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ về vật liệu phục vụ trong xây dựng cũng như các sản phẩm của Công ty đầu tư giúp khách hàng tối ưu hoá hiệu quả sử dụng.
- ❖ **Đối với cổ đông:** Là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ

đồng lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.

- ❖ **Đối với cán bộ nhân viên:** Là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.
- **Đối với cộng đồng và xã hội:** Là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Thành phần của HĐQT

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định. Hiện tại, HĐQT Công ty có nhiệm kỳ là 05 năm với danh sách cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vương Trí Dũng	Thành viên HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên HĐQT
4	Ông An Quang Hiếu	Thành viên HĐQT
5	Ông Ito Junichi	Thành viên HĐQT

II. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Tại phiên họp ngày 25/04/2019 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty với tổng doanh thu mục tiêu : 1.815 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 61 tỷ đồng. Hội đồng quản trị đã lãnh đạo Công ty khắc phục những bất lợi và khó khăn về thị trường, nỗ lực triển khai các giải pháp kinh doanh đồng bộ để thực hiện mục tiêu được giao :

	Năm 2019		Thực hiện năm 2018 (đồng)	Thực hiện so với	
	Thực hiện (đồng)	Kế hoạch (đồng)		Kế hoạch 2019	TH năm 2018
Doanh thu thuần	1.635 tỷ	1.815 tỷ	1.555 tỷ	90,08 %	5 %
Lợi nhuận sau thuế	53.16 tỷ	61 tỷ	53,95 tỷ	87,15 %	-1,45 %

Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc Ban giám đốc đã triển khai hầu hết các nhiệm vụ theo đúng chủ trương của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Năm 2019, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị như sau: Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ: Trong quá trình hoạt động, Ban giám đốc đã tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty gửi đến HĐQT. Ngoài ra, công tác giám sát còn được HĐQT triển khai gián tiếp thông qua các chỉ đạo rà soát lại các quy chế, quy trình nhằm củng cố tổ chức hoạt động, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động minh bạch. Trong các kỳ họp HĐQT, HĐQT cũng đã yêu cầu công ty tăng cường công tác quản trị rủi ro trong những giai đoạn thị trường diễn biến phức tạp.

Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết HĐQT tại các cuộc họp của HĐQT trong năm 2019: Với các mục tiêu được thông nhất trong các cuộc họp HĐQT, Ban giám đốc đã triển khai và giám sát thực hiện một cách hiệu quả.

Năm 2019, Sự quyết tâm nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty cũng như sự nhạy bén năng động của Ban Giám Đốc đã giúp công ty đạt được kết quả kinh doanh tích cực. Doanh Thu năm 2019 của công ty đạt 1.635 tỷ đồng tương đương hoàn thành 90,08% Kế hoạch do ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua. Tăng trưởng 5% so với năm 2018.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát: Năm 2019, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện kiểm soát toàn bộ các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ các quy định của pháp luật và phân công của HĐQT. HĐQT đã phối hợp tích cực với Ban kiểm soát duy trì sự an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty. Thông qua các mặt hoạt động trên, năm 2019, HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban Giám đốc trong quá trình điều hành Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh được ĐHĐCĐ giao phó Bên cạnh đó, Ban giám đốc đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo của HĐQT.

III. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2020

Năm 2019 khép lại với số liệu doanh thu tăng trưởng 5% so với năm 2018. Trong bối cảnh chung của thế giới và tình hình dịch bệnh đang diễn ra hết sức căng thẳng và diễn biến phức tạp của thị trường, Hội đồng quản trị đánh giá năm 2020 sẽ là một năm đầy thách thức với DAG, Hội đồng quản trị đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2020 :

Doanh thu thuần	1.510 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	38 tỷ đồng
Cổ tức dự kiến	Tối thiểu 80% lợi nhuận sau thuế, ~ 5%

III.1 Phương hướng triển khai thực hiện kế hoạch 2019

- Công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm:

DAG phát triển, tiếp tục mở rộng các mạng lưới, các nhà phân phối trên 63 tỉnh thành thực hiện chiến lược phủ đầy, phủ dày của DAG tiếp tục đẩy mạnh mọi hoạt động kinh doanh, trong đó tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới các đại lý, các nhà phân 38 phối và các đơn vị sản xuất trực tiếp tiêu thụ sản phẩm của DAG để gia tăng thị phần. Đặc biệt, đối với các sản phẩm mới: Profile uPVC, PV Smart, hạt nhựa...

- Bên cạnh đó là việc đẩy mạnh xuất khẩu, tập trung đẩy mạnh thâm nhập, mở rộng xuất khẩu đặc biệt với các nước trong khu vực.

- Định vị, quảng bá hình ảnh, thương hiệu của DAG tới người tiêu dùng thông qua các kênh truyền thông online, digital, quảng cáo trên VOV giao thông, các biển bảng ngoài trời. Chú trọng triển khai các buổi hội thảo tại các tỉnh, thành để giới thiệu, tìm kiếm đại lý, nhà phân phối nhằm củng cố và phát triển theo chiều rộng; gia tăng độ phủ thị trường theo chiều sâu, từng bước chiếm lĩnh và dẫn đầu thị trường với các sản phẩm DAG có lợi thế cạnh tranh cao.

1. Vị thế của DAG:

- Hội đồng quản trị quyết tâm đưa sản phẩm DAG dẫn đầu hoặc top đầu trong ngành nhựa công nghiệp phục vụ trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và quảng cáo.

2. Vốn:

- Thực hiện phương án tăng vốn điều lệ lên 600 tỷ đồng vào năm 2020. Thúc đẩy việc sử dụng nguồn vốn tối ưu đem lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh ; thực hiện tăng vốn điều lệ theo tờ trình tăng vốn cổ phần trả cổ tức năm 2018 và năm 2019

3. Chiến lược kinh doanh:

- Đối với trong nước: Mở rộng các mạng lưới, các nhà phân phối trên 63 tỉnh thành thực hiện chiến lược phủ đầy, phủ dày của DAG tiếp tục đẩy mạnh mọi hoạt động kinh doanh, trong đó tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới các đại lý, các nhà phân phối và các đơn vị sản xuất trực tiếp tiêu thụ sản phẩm của DAG để gia tăng thị phần. Đặc biệt, đối với các sản phẩm mới: Profile uPVC, PV Smart, hạt nhựa... Đối với nước ngoài: đẩy mạnh xuất khẩu, tập trung đẩy mạnh thâm nhập, mở rộng xuất khẩu đặc biệt với các nước trong khu vực.

4. Về nhân lực:

- Thực hiện kiện toàn nhân sự quản lý các cấp theo hướng tinh giảm gọn, nhẹ, chuyên nghiệp: - Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoàn thiện chính sách phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp, chuyên nghiệp hóa công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân sự có tính kế thừa, đặc biệt thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý các cấp để chuẩn bị cho nhu cầu mở rộng và phát triển trong giai đoạn tiếp theo. - Kiện toàn nhân sự cao cấp theo hướng tinh giảm, gọn nhẹ, chuyên nghiệp - Đào tạo và phát triển nguồn nhân sự có tính kế thừa.

5. Tài chính:

- Quản lý dòng tiền tài chính hợp lý với chỉ đạo hệ thống kế toán từ Công ty mẹ đến các công ty thành viên thực hiện hạch toán và quản lý dòng tiền hợp lý, đa dạng từ công ty mẹ đến công ty thành viên. Kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt hiệu quả. Quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ và hạn chế tối đa hàng tồn kho, chậm luân chuyển thông qua việc quyết liệt công tác thu tiền hàng, thu hồi công nợ, không để khách hàng chiếm dụng vốn, tạo sự chủ động trong việc điều tiết, luân chuyển. 34 Đảm bảo quay vòng vốn hiệu quả, hạn chế sự phụ thuộc vốn vay tín dụng.

6. Sản xuất:

- Tiếp tục đầu tư mới, đầu tư bổ sung và đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, nhà xưởng máy móc, thiết bị từ Công ty mẹ đến các công ty thành viên theo lộ trình, gắn với nâng cao công tác quản lý, khai thác tối đa công suất thiết bị, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường và khách hàng, bảo đảm sản xuất, kinh doanh và đầu tư an toàn, ổn định, phát triển, tăng trưởng và đạt hiệu quả.

7. Về khoa học và công nghệ:

- Luôn luôn áp dụng công nghệ mới để sản xuất sản phẩm mới, đáp ứng tối đa hóa nhu cầu hạ tầng.
- Tối ưu trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới để kiểm tra chất lượng sản phẩm mang tính ưu Việt. - Các sản phẩm luôn luôn tuân thủ theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

8. Về thương hiệu:

- Định vị và quảng bá các nhãn hiệu của DAG một cách sâu rộng, hiệu quả, đa dạng các kênh truyền thông đại chúng nhằm nâng cao tỷ lệ nhận diện thương hiệu DAG, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm DAG.

9. Về trách nhiệm xã hội và môi trường:

- Tiếp tục duy trì các hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện, hoạt động bảo vệ môi trường, xây dựng hình ảnh DAG thân thiện, hướng đến và có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

1. Tổng quan thị trường

Ngành nhựa Việt Nam là một trong các ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng tương đối nhanh so với nền kinh tế nói chung. Trong giai đoạn từ 2012 đến 2017, ngành nhựa Việt Nam tăng trưởng trung bình 11,62% / năm nhanh hơn so với mức tăng trưởng 3,9% của ngành nhựa thế giới và nhanh hơn so với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 6,2% của Việt Nam trong cùng giai đoạn. Các sản phẩm đầu ra của ngành nhựa Việt Nam được ứng dụng trong rất nhiều các lĩnh vực khác nhau từ tiêu dùng, thương mại cho đến xây dựng, lắp ráp và được phân chia làm bốn mảng chính là các sản phẩm nhựa bao bì, nhựa dân dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật. Cũng như thị trường toàn cầu, tại Việt Nam, lĩnh vực nhựa cũng đã chứng kiến giai đoạn tăng trưởng rất mạnh giai đoạn vừa qua. Năm 2018, ước tính tăng trưởng sản lượng nhựa sản xuất đạt khoảng 8,3 triệu tấn; năm 2019 là gần 9,0 triệu tấn trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là hai mảng nhựa bao bì và mảng nhựa xây dựng. Ngoài phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước, sản phẩm của ngành nhựa Việt Nam hiện đang có mặt tại hơn 160 quốc gia trên thế giới với kim ngạch xuất khẩu năm 2019 ước đạt khoảng 3,0 tỷ USD. Theo nghiên cứu của Mordor Intelligence Research, thị trường nhựa Việt Nam dự báo đạt tỷ lệ tăng trưởng lũy kế hàng năm (CAGR) vào khoảng 6,63% trong giai đoạn 2018 - 2023, trong đó, mức tăng trưởng năm 2019 được nhiều tổ chức dự báo sẽ giảm về mức dưới 8% so với năm 2018. Hiện tại, mảng nhựa Việt Nam chia làm hai nhóm lớn là nhựa bao bì và nhựa xây dựng.

DAG là doanh nghiệp thuộc mảng nhựa xây dựng, Mảng nhựa xây dựng gồm sản phẩm chủ yếu là các loại ống nước, cửa nhựa, tấm trần, sàn nhựa phục vụ cho xây dựng hoàn thiện, tăng trưởng đầu ra phụ thuộc chủ yếu vào tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng và bất động sản. Thị trường xây dựng tại Việt Nam chịu ảnh hưởng rất nhiều từ tốc độ tăng trưởng kinh tế và các chính sách vĩ mô. Tiềm năng phát triển của ngành trong thời gian tới đến từ những yếu tố sau: - Ngành bất động sản đã và đang tăng trưởng mạnh, dẫn đến nhu cầu đầu tư xây dựng tăng cao. - Tốc độ đô thị hóa của Việt Nam ở mức cao nhất khu vực Đông Nam Á, kéo theo nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng và bất động sản ở các thành phố duy trì ở mức cao. Theo báo cáo của BMI, mức đô thị hóa được dự báo tăng từ 34% hiện tại lên mức 37 - 38% vào năm 2021 (so với năm 1998 mới chỉ ở mức 20%). Dân số độ tuổi 20 - 39 (hiện chiếm 34,6%) và tầng lớp trung lưu tại Việt Nam có xu hướng tăng mạnh, thu nhập hộ gia đình trung bình tăng từ USD 3.765 năm 2016 lên mức USD 5.768 năm 2021. - Tăng trưởng GDP cao, lãi suất cho vay và lạm phát duy trì ở mức thấp và ổn định. - Vốn FDI chảy mạnh vào Việt Nam trong năm 2019. Việt Nam là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn đầu tư nước ngoài do chi phí đầu tư xây dựng thấp và quy mô, cấu trúc dân số thuận lợi. - Sự hỗ trợ từ Chính

phủ về chính sách như Luật Nhà ở (2014) cho phép cá nhân và doanh nghiệp nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam, các chính sách nói lỏng tín dụng bất động sản v.v... Mặc dù có nhiều thuận lợi, nhưng tăng trưởng doanh số nhựa xây dựng đang có xu hướng giảm lại, khi số các dự án bất động sản đầu tư mới từ năm 2018 đã giảm dần; đầu tư giải ngân vốn đầu tư công bị chậm lại. Đây là những yếu tố tiềm tàng làm giảm tốc độ tăng trưởng của cầu và công ty.

Triển vọng ngành nhựa Việt Nam Với những ưu điểm như chi phí nhân công tương đối rẻ, thấp hơn khoảng 22% so với mức trung bình khu vực Đông Nam Á; nhưng có nhược điểm về năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa của ngành nhựa Việt Nam không đủ đáp ứng phải phụ thuộc dẫn đến việc các doanh nghiệp sản xuất phải chịu thêm rủi ro về tỷ giá; không sản xuất được dây chuyền, máy móc cũng như khuôn mẫu phục vụ cho việc sản xuất các sản phẩm nhựa..., Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng kinh tế ổn định kéo theo tăng trưởng thu nhập và chi tiêu hộ gia đình, giúp tạo động lực phát triển cho mảng nhựa bao bì và nhựa dân dụng. Xu hướng chuyển dịch sản xuất của các doanh nghiệp từ Trung Quốc sang Việt Nam cũng sẽ tạo động lực cho tăng trưởng xây dựng dân dụng và cả hạ tầng. Bên cạnh đó, ngành Nhựa Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với những thách thức như còn nhiều dư địa tăng trưởng, các doanh nghiệp phải đối mặt với sức cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI đặc biệt là trong giai đoạn giá nguyên liệu nhựa đang ở mức tương đối thấp như hiện nay. Xu hướng sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường cũng là một thách thức đối với ngành nhựa Việt Nam khi trong cơ cấu xuất khẩu của ngành, các sản phẩm bao bì truyền thống không thân thiện với môi trường đang chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Trong năm 2019 DAG đã thực hiện giảm dần các ngành nghề không hiệu quả, tập trung các ngành nghề và ngành hàng có tính lợi thế và lợi nhuận cao.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2019 với năm 2018:

A. Kết quả kinh doanh	Năm 2019 (tỷ đồng)	Năm 2018 (tỷ đồng)	Tăng/ Giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.635	1.555	5.14 %
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	71.21	66.46	7.15 %
3. Tổng lợi nhuận sau thuế	53.16	53,95	-1,45 %
B. Bảng cân đối kế toán			
1. Tổng tài sản	1.614	1.380	16.96 %
- Tài sản ngắn hạn (hợp nhất)	1.023	879	16.38 %
- Tài sản dài hạn (hợp nhất)	590	500	18 %
2. Tổng nợ phải trả	941,8	761,1	23.74 %
- Nợ ngắn hạn (hợp nhất)	762,8	691,2	10 %
- Nợ dài hạn (hợp nhất)	179,01	69,94	155.94 %
3. Tổng vốn chủ sở hữu	672,2	619	8.59 %
Vốn chủ sở hữu (hợp nhất)	672,2	619	8.59 %

Qua các chỉ tiêu tài chính năm 2019, so với năm 2018, Công ty cũng đã sử dụng hiệu quả các nguồn vốn để mang lại doanh thu tăng trưởng 5% với các chỉ số tài chính đều được cải thiện đáng kể: Tổng tài sản tăng 16%, trong đó nguồn vốn chủ sở hữu tăng 8,59%, Có được kết quả hoạt động kinh doanh khả quan của năm 2019 là nhờ sự định hướng sáng suốt trong các quyết sách của HĐQT, sự nhạy bén và xử lý linh hoạt của Ban Tổng giám đốc và sự nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV của Tập đoàn, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý nhiều năm kinh nghiệm và nhiệt huyết của công ty.

I. Các thành tựu nổi bật trong năm 2019 :

Bên cạnh các kết quả về tài chính, trong năm 2019, DAG đã triển khai và đạt được các kết quả nổi bật sau:

1. Đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy:

- Khai thác tối đa công suất thiết bị nâng cao năng lực lao động và chất lượng sản phẩm Profile.
- Hoàn thiện đưa vào sản xuất dây chuyền tấm trần thả đảm bảo đủ hàng cho các đơn đặt hàng; Trong năm DAG đã đẩy mạnh sản xuất sản phẩm Fomex do công ty sản xuất chiếm lĩnh thị trường trong nước.

2. Triển khai trọng tâm và liên tục công tác quảng bá thương hiệu DAG: Với các sản phẩm đã tạo được uy tín và thương hiệu trong thời gian vừa qua, trong năm 2019, DAG đã nhận được Cúp Vàng thương hiệu mạnh tại Hội chợ triển lãm Quốc tế Xây dựng VietBuild năm 2019, Chứng nhận Hàng Việt Nam Chất lượng cao 2019 do Người tiêu dùng bình chọn.

3. Cải tiến hoàn thiện hệ thống quản lý sản xuất và đào tạo, nâng cao năng lực của CBCNV: Với đặc thù là đơn vị sản xuất công nghiệp đòi hỏi hệ thống quản lý phải có tính khoa học và gắn kết cao nhằm tạo ra hiệu quả trong sản xuất, trong năm 2019, DAG đã áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm chuẩn hóa các quy trình hoạt động, loại bỏ được nhiều thủ tục không cần thiết, tạo sự nhất quán trong công việc.

4. Chú trọng và đẩy mạnh hệ thống mạng lưới bán hàng, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ: Với định hướng phát triển phải hướng tới khách hàng, trong năm 2019, DAG đã từng bước triển khai hoạt động mở rộng hệ thống đại lý, các nhà phân phối tới các tỉnh Miền Trung và Miền Nam. Thiết lập được hệ thống kênh bán hàng đối với các nước trong khu vực.

II. Kế hoạch và phương hướng triển khai năm 2020

Căn cứ trên kết quả đạt được năm 2019, tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên thế giới và tại Việt Nam, Tình hình thị trường năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

- Doanh thu: 1.510 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 38 tỷ đồng.

1. Phương hướng triển khai thực hiện kế hoạch 2020

➤ Công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm:

- Phát triển mở rộng thị trường trong nước tại các khu vực có tiềm năng cao tiêu thụ sản phẩm như thị trường miền Nam, khu vực miền Trung.
- Duy trì, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm mới có tính lợi thế sang các nước trong khu vực.
- Quảng bá hình ảnh, thương hiệu của DAG tới người tiêu dùng thông qua các kênh truyền thông online, digital, quảng cáo trên VOV giao thông, các biển bảng ngoài trời. Đặc biệt, Công ty tổ chức

các hội thảo khách hàng tại các tỉnh, thành để giới thiệu, tìm kiếm đại lý, nhà phân phối nhằm củng cố và phát triển theo chiều rộng hệ thống Nhà phân phối, đại lý; gia tăng độ phủ thị trường, từng bước chiếm lĩnh và dẫn đầu thị trường với các sản phẩm DAG có lợi thế cạnh tranh cao: thanh profile, Tấm Trần Thả, tấm fomex, tấm pp, tấm mica, tấm alu, tấm PV Smart.

➤ **Chú trọng nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm:** Trong năm 2020, tập trung lắp đặt, nhanh chóng hoàn thành lắp đặt máy tấm trần thả và tấm tủ nhựa để nâng cao sản lượng tấm trần thả đảm bảo chất lượng và cung ứng đủ các đơn hàng cho đối tác.

➤ **Công tác nguồn vốn và tăng cường năng lực tài chính:** Tiếp tục thực hiện định hướng nâng cao năng lực tài chính triển khai việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược nhằm đầu tư máy móc, thiết bị, nhà xưởng và bổ sung một phần nguồn vốn lưu động cho việc nhập nguyên vật liệu sản xuất. Đồng thời, tiếp tục sử dụng cơ cấu vốn vay các tổ chức tín dụng ở mức hợp lý phục vụ đầu tư và sản xuất kinh doanh tạo thế và lực cho sự phát triển trong những năm tới. Công tác kiểm soát các tỷ lệ an toàn tài chính cũng luôn được chú trọng để đảm bảo công ty vận hành một cách hiệu quả nhất.

➤ **Kiểm soát nội bộ, kiểm soát hệ thống và hoạt động đào tạo:**

- Luôn chú trọng công tác kiểm soát hệ thống nhằm tạo ra sự đồng bộ và tính hiệu quả của sự kết hợp công tác giữa các bộ phận.

- Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội thông qua các hoạt động giám sát tuân thủ đối với các phòng ban, nhà máy nhằm đảm bảo các hoạt động được thực hiện hiệu quả.

- Định kỳ tổ chức đào tạo cán bộ về kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm công tác cũng như các kiến thức kỹ thuật, quản lý để tạo dựng được đội ngũ cán bộ ngày càng vững chắc, đảm bảo đủ năng lực để tạo ra sự phát triển cho công ty.

- Định kỳ đạo tạo, kiểm tra việc tuân thủ thực hiện tiêu chuẩn ISO 9001 – 2015 trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế



Accountants &
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn").

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (Công ty mẹ) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0101099228 vào ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 03 năm 2019. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **517.950.850.000** đồng (Năm trăm mười bảy tỷ, chín trăm năm mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vương Trí Dũng	Ủy viên
Ông An Quang Hiếu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tính	Ủy viên
Ông Ito Junichi	Ủy viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Thúy Hà	Trưởng ban kiểm soát
Ông Phạm Thế Hoàng	Ủy viên
Bà Hà Thanh Thủy	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quân	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN BÁ HÙNG

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2020



Số: 008/2020/BCKTHN-HT.00068

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2020, từ trang 5 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và các công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 tại ngày 30 tháng 03 năm 2019, nội dung này được trình bày chi tiết trong phần 5.6 của Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm.




NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Số CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2020


NGUYỄN THỊ THANH MINH

Kiểm toán viên

Số CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.023.184.297.891	879.985.422.418
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	47.866.359.474	12.902.918.099
1. Tiền	111		47.866.359.474	12.902.918.099
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		326.234.652.395	352.832.098.550
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	181.793.216.418	244.613.080.148
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	138.324.506.976	86.254.554.608
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	8.931.516.474	25.445.514.277
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(2.814.587.473)	(3.481.050.483)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	639.109.346.312	505.714.003.722
1. Hàng tồn kho	141		639.200.788.169	505.805.445.579
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(91.441.857)	(91.441.857)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.973.939.710	8.536.402.047
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	8.448.510.814	7.924.761.472
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.345.143.854	605.112.773
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	180.285.042	6.527.802
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		590.943.344.816	500.269.482.726
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.773.489.448	11.452.420.353
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	22.773.489.448	11.452.420.353
II. Tài sản cố định	220		459.112.450.784	395.134.677.840
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	253.413.699.414	274.322.675.717
- Nguyên giá	222		420.572.476.982	424.413.905.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(167.158.777.568)	(150.091.230.142)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.10	204.847.802.586	119.721.111.891
- Nguyên giá	225		230.830.261.400	161.397.029.613
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(25.982.458.814)	(41.675.917.722)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	850.948.784	1.090.890.232
- Nguyên giá	228		2.190.109.854	2.190.109.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.339.161.070)	(1.099.219.622)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	-	3.148.041.168
- Nguyên giá	231		-	3.421.783.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(273.742.732)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.7	96.929.151.803	78.684.327.456
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		96.929.151.803	78.684.327.456
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.128.252.781	11.850.015.909
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	11.898.106.409	11.850.015.909
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		230.146.372	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.614.127.642.707	1.380.254.905.144

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		941.884.204.901	761.169.654.012
I. Nợ ngắn hạn	310		762.869.157.545	691.225.838.904
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	120.329.085.871	127.802.467.936
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	30.229.172.780	10.891.728.172
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	19.437.167.290	12.676.390.732
4. Phải trả người lao động	314		5.637.468.088	5.431.396.288
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	699.298.720	679.250.400
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	778.376.734	599.463.236
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	33.484.424.693	19.500.600.630
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	543.312.709.841	504.683.087.982
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.961.453.528	8.961.453.528
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		179.015.047.356	69.943.815.108
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.14	38.840.560.000	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	337.821.091	56.981.091
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	139.836.666.265	69.886.834.017
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		672.243.437.806	619.085.251.132
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	672.243.437.806	619.085.251.132
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		517.950.850.000	517.950.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		517.950.850.000	517.950.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.991.921.439	7.991.921.439
5. Cổ phiếu quỹ	415		(12.930.000)	(12.930.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		30.889.306.294	30.889.306.294
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		12.450.839.813	12.450.839.813
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		102.973.450.260	49.815.263.586
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.523.300.298	(4.144.617.192)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		100.450.149.962	53.959.880.778
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.614.127.642.707	1.380.254.905.144

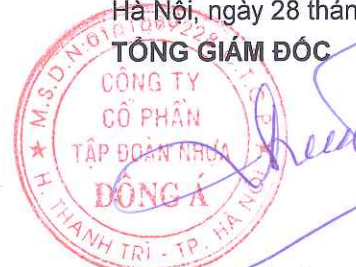
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ ÚT

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

NGUYỄN BÁ HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.635.438.878.674	1.555.337.160.614
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)	10		1.635.438.878.674	1.555.337.160.614
4 Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.477.686.130.298	1.412.087.296.030
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		157.752.748.376	143.249.864.584
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	418.680.537	1.662.367.883
7 Chi phí tài chính	22	6.4	49.063.827.265	44.151.210.283
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		47.402.081.928	40.187.885.826
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9 Chi phí bán hàng	25	6.7	14.387.180.756	12.987.119.510
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	22.335.311.524	23.215.884.728
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		72.385.109.368	64.558.017.946
12 Thu nhập khác	31	6.5	1.332.957.777	2.762.736.377
13 Chi phí khác	32	6.6	2.507.442.728	858.327.972
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.174.484.951)	1.904.408.405
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.210.624.417	66.462.426.351
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	18.282.584.115	12.502.545.573
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(230.146.372)	-
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		53.158.186.674	53.959.880.778
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		53.158.186.674	53.959.880.778
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.026	1.081
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	1.026	1.081

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ ÚT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		71.210.624.417	66.462.426.351
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		39.551.187.477	35.085.386.642
- Các khoản dự phòng	03		(666.463.010)	(1.108.816.951)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.468.496.535	1.353.179.647
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		321.409.721	(1.134.825.442)
- Chi phí lãi vay	06		47.402.081.928	40.187.885.826
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		159.287.337.068	140.845.236.073
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		18.257.751.749	(7.601.316.022)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(133.395.342.590)	35.375.187.335
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		65.333.925.170	(19.214.206.191)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(571.839.842)	(5.426.397.862)
- (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(47.402.081.928)	(40.187.885.826)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.949.909.038)	(10.794.046.627)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.559.840.589	92.996.570.880
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(175.612.184.812)	(89.531.193.685)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		158.343.104.904	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.514.935	16.607.273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.263.564.973)	(89.514.586.412)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.2	1.260.494.770.202	1.042.713.668.528
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(1.181.615.695.071)	(1.008.734.916.125)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	7.3	(75.211.909.372)	(33.700.835.782)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(11.687.322.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.667.165.759	(11.409.405.379)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		34.963.441.375	(7.927.420.911)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.902.918.099	21.224.871.247
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.4	-	(394.532.237)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	47.866.359.474	12.902.918.099

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ ÚT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (công ty mẹ) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0101099228 vào ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 03 năm 2019. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **517.950.850.000 đồng** (Năm trăm mười bảy tỷ, chín trăm năm mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là DAG.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn từng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Tái chế phế liệu;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Đại lý du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Cho thuê xe có động cơ; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

1.5 Cấu trúc tập đoàn

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty mẹ đặt tại Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Văn phòng làm việc tại Hà Nội: tầng 9, tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty mẹ có 03 công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (i)	Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (ii)	Lô số 36 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH SmartWindow Việt Nam	Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.	100%	100%

- (i) Công ty TNHH Nhựa Đông Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0101099228-002, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 12 năm 2015. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- (ii) Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 0305056511, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007 và thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2017. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh vật liệu xây dựng.
- (iii) Công ty TNHH Smart Window Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0102188015, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 03 năm 2007 và thay đổi lần thứ 8 ngày 15 tháng 12 năm 2015. Hoạt động chính của Công ty này là kinh doanh vật liệu xây dựng và lắp đặt hệ thống cửa kính.

- Số lượng các Công ty được hợp nhất: 03 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

1.6 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 263 người. (Ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số nhân viên tập đoàn là người).

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty mẹ và các công ty con được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 10 năm (theo VAS 11 - Hợp nhất kinh doanh thì thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng biệt như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.5 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 48
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	04 - 05
Tài sản khác	05

4.11 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Trách nhiệm đối với bên cho thuê được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như là một nghĩa vụ cho thuê tài chính. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản, trừ khi khoản tiền lãi đó đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản, trong trường hợp này khoản lãi vay được vốn hoá theo chính sách chung của Tập đoàn về chi phí vay.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính trên cùng nền tảng với tài sản sở hữu của Tập đoàn.

4.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm đến 08 năm.

4.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của các dự án đang thực hiện, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc. Việc trích khấu hao của

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác của doanh nghiệp bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.14 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

4.15 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.16 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.17 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

4.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

4.19 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.20 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tập đoàn sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.21 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.22 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.23 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.24 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

4.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.27 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.28 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	Cổ đông lớn
Công ty TNHH V&H Việt Nam	Giám đốc là bên có liên quan
Bà Trần Thị Lê Hải	Vợ Chủ tịch Hội đồng quản trị
Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	364.512.042	391.118.785
Tiền gửi ngân hàng	47.501.847.432	12.511.799.314
Tổng	47.866.359.474	12.902.918.099

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH V&H Việt Nam	66.498.613.264	76.774.407.974
Công ty TNHH Thương mại DV Hùng Phát	18.450.855.622	52.287.006.427
Công ty TNHH Liên doanh Shide Việt Nam	5.678.794.255	20.526.618.582
Công ty TNHH Danpla Việt Nam	29.275.176.958	38.588.492.531
Các khoản phải thu khách hàng khác	61.889.776.319	56.436.554.634
Tổng	181.793.216.418	244.613.080.148

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Vật liệu và Hóa chất Hoàng Nam	74.576.482.112	40.429.501.682
Công ty TNHH Đầu tư và XNK Hiền Vinh	52.661.260.531	24.555.075.573
Các tổ chức, cá nhân khác	11.086.764.333	21.269.977.353
Tổng	138.324.506.976	86.254.554.608

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	11.725.000	-	205.302.450	-
Ký quỹ, ký cược	172.737.305	-	242.845.005	-
Phải thu khác	8.747.054.169	-	24.997.366.822	-
- Phải thu Thuế GTGT	4.840.984.946	-	1.376.205.488	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	112.000.000	-	20.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	3.794.069.223	-	3.621.161.334	-
Tổng	8.931.516.474	-	25.445.514.277	-
b) Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	22.773.489.448	-	11.452.420.353	-
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	8.024.612.000	-	7.411.308.000	-
- Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội	3.952.414.038	-	3.348.944.924	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumitrust- CN Hà Nội	10.144.449.093	-	-	-
Các đối tượng khác	652.014.317	-	692.167.429	-
Tổng	22.773.489.448	-	11.452.420.353	-

c) Các khoản phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex- Dự án Chợ Mơ	1.362.831.455	-	1.412.831.455	883.982.018
CN Xây lắp & Mộc nội thất - Công ty CP Xây dựng Số 1 Hà Nội	540.964.459	-	540.964.459	-
Công ty CP Thiết bị tự động hoá AMC	-	-	354.495.530	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng An Lập	325.142.522	-	1.301.231.937	-
Các đối tượng khác	585.649.037	-	818.306.299	62.797.179
Tổng	2.814.587.473	-	4.427.829.680	946.779.197

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Nợ phải thu dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	3.481.050.483	-	3.481.050.483
Trích lập dự phòng bổ sung	883.982.018	-	883.982.018
Tăng khác	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	1.550.445.028	-	1.550.445.028
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	2.489.444.951	-	2.489.444.951

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	310.779.309.515	-	262.053.493.845	-
Công cụ, dụng cụ	43.172.543	-	38.315.212	-
Chi phí sản xuất dở dang	101.989.250.718	-	9.752.752.805	-
Thành phẩm	24.981.958.896	91.441.857	76.931.181.417	91.441.857
Hàng hóa	201.407.096.497	-	157.029.702.300	-
Tổng	639.200.788.169	91.441.857	505.805.445.579	91.441.857

Năm 2019, Công ty mẹ và các công ty con thực hiện ký gửi hàng hóa tại kho của bên thứ ba chi tiết theo các hợp đồng:

- Hợp đồng số 01/2019/DAG-PD ngày 03/01/2019 Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á ký với Công ty TNHH Thương mại Phú Đức với tổng giá trị hàng hóa ký gửi là 42.014.011.648 VND.
- Hợp đồng số 01.01/2019/SMW-CTY68 ngày 02/01/2019 Công ty TNHH Smart Window Việt Nam ký với Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Phát triển 68 với tổng giá trị hàng hóa ký gửi là 30.341.905.435 VND.
- Hợp đồng số 02.01/2019/SMW-CTYDPL ngày 02/01/2019 Công ty TNHH Smart Window Việt Nam ký với Công ty TNHH Danpla Việt Nam với tổng giá trị hàng hóa ký gửi là 28.164.905.668 VND.
- Hợp đồng số 01.02/2019/SMW-CTYHĐ ngày 30/01/2019 Công ty TNHH Smart Window Việt Nam ký với Công ty CP Thương mại và Xây dựng Hoàng Đăng với tổng giá trị hàng hóa ký gửi là 22.808.603.000 VND.
- Hợp đồng số 01.01/2019/SMW-CTY68 ngày 04/01/2019 Công ty TNHH Nhựa Đông Á ký với Công ty TNHH Liên doanh Shide Việt Nam với tổng giá trị hàng hóa ký gửi là 57.915.615.053 VND.

Đến thời điểm 30/07/2019, Công ty mẹ và các công ty con đã bán và thu hồi toàn bộ công nợ đối với các lô hàng ký gửi này. Bên ký gửi và bên nhận ký gửi đã thanh lý hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Xây dựng nhà xưởng tại KCN Châu Sơn, Hà Nam	54.317.614.542	32.121.146.413
Mua sắm TSCĐ	23.037.330.235	5.745.424.740
Công trình sửa chữa nhà xưởng Tân Tạo	2.092.928.781	2.092.928.781
Sửa chữa nhà xưởng tại nhà máy Ngọc Hồi	17.481.278.245	38.724.827.522
Tổng	96.929.151.803	78.684.327.456

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2019	224.264.636.687	180.066.047.287	17.681.514.161	2.245.065.884	156.641.840	424.413.905.859
Mua trong năm	-	151.231.525.961	5.120.100.000	-	-	156.351.625.961
XDCB hoàn thành (*)	23.689.574.840	-	-	-	-	23.689.574.840
Tăng khác	-	1.822.916.897	640.215.529	-	-	2.463.132.426
Thanh lý, nhượng bán	-	(181.577.101.452)	(865.591.818)	-	-	(182.442.693.270)
Giảm khác	-	(3.833.177.057)	(69.891.777)	-	-	(3.903.068.834)
Vào ngày 31/12/2019	247.954.211.527	147.710.211.636	22.506.346.095	2.245.065.884	156.641.840	420.572.476.982
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2019	47.072.520.848	84.165.320.161	16.889.464.632	1.807.282.661	156.641.840	150.091.230.142
Khấu hao trong năm	10.381.630.413	11.235.198.292	1.801.526.909	131.972.736	-	23.550.328.350
Tăng khác	-	13.105.502.341	415.748.097	-	-	13.521.250.438
Thanh lý, nhượng bán	-	(17.897.762.022)	(676.243.650)	-	-	(18.574.005.672)
Giảm khác	(1.430.025.690)	-	-	-	-	(1.430.025.690)
Vào ngày 31/12/2019	56.024.125.571	90.608.258.772	18.430.495.988	1.939.255.397	156.641.840	167.158.777.568
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2019	177.192.115.839	95.900.727.126	792.049.529	437.783.223	-	274.322.675.717
Vào ngày 31/12/2019	191.930.085.956	57.101.952.864	4.075.850.107	305.810.487	-	253.413.699.414

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 171.388.905.626 VND.
 - Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2019 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 74.051.397.569 VND.
- (*) Các hạng mục nhà cửa vật kiến trúc xây dựng hoàn thành trong kỳ đang được ghi nhận tạm tăng theo giá trị tập hợp trên sổ kế toán và chưa có hồ sơ quyết toán, hoàn công.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2019	2.190.109.854
Mua trong năm	
Vào ngày 31/12/2019	2.190.109.854
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2019	1.099.219.622
Khấu hao trong năm	239.941.448
Vào ngày 31/12/2019	1.339.161.070
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2019	1.090.890.232
Vào ngày 31/12/2019	850.948.784

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2019	160.756.814.084	640.215.529	161.397.029.613
Thuê tài chính trong năm	104.912.288.348	-	104.912.288.348
Tăng khác	-	1.143.636.364	1.143.636.364
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(640.215.529)	(640.215.529)
Giảm khác (*)	(35.982.477.396)	-	(34.838.841.032)
Vào ngày 31/12/2019	229.686.625.036	1.143.636.364	230.830.261.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2019	41.115.311.853	560.605.869	41.675.917.722
Khấu hao trong năm	15.490.284.667	270.633.012	15.760.917.679
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(259.420.677)	(259.420.677)
Tăng khác	-	177.796.520	177.796.520
Giảm khác (*)	(31.372.752.430)	-	(31.372.752.430)
Vào ngày 31/12/2019	25.232.844.090	749.614.724	25.982.458.814
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2019	119.641.502.231	79.609.660	119.721.111.891
Vào ngày 31/12/2019	204.453.780.946	394.021.640	204.847.802.586

(*) Giảm khác là TSCĐ thuê tài chính đã hết hạn và được Công ty mua lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.11 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

	01/01/2019 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	31/12/2019 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
<i>Nguyên giá</i>				
Quyền sử dụng đất	3.421.783.900	-	3.421.783.900	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Quyền sử dụng đất	273.742.732	-	273.742.732	-
<i>Giá trị còn lại</i>				
Quyền sử dụng đất	3.148.041.168	-	3.148.041.168	-

5.12 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.239.144.609	4.610.641.564
Chi phí sửa chữa tài sản	6.209.366.205	3.314.119.908
Tổng	8.448.510.814	7.924.761.472
b) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.280.973.208	2.804.457.699
Phí sử dụng cơ sở hạ tầng KCN Châu Sơn Hà Nam	314.227.347	314.227.347
Chi phí thuê đất chờ phân bổ	8.301.679.333	8.572.587.957
Chi phí sửa chữa tài sản	2.001.226.521	158.742.906
Tổng	11.898.106.409	11.850.015.909

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2019		31/12/2019			
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ ngắn hạn (I)	504.683.087.982	504.683.087.982	1.247.842.540.374	1.209.212.918.515	543.312.709.841	543.312.709.841
<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>446.743.878.436</u>	<u>504.683.087.982</u>	<u>1.181.477.723.154</u>	<u>1.151.830.350.776</u>	<u>476.391.250.814</u>	<u>476.391.250.814</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	229.635.187.282	229.635.187.282	649.450.816.686	593.657.742.314	285.428.261.654	285.428.261.654
Ngân hàng Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội (2)	19.713.442.039	19.713.442.039	39.880.957.910	39.657.372.625	19.937.027.324	19.937.027.324
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (3)	33.166.990.605	33.166.990.605	77.261.705.319	82.815.388.517	27.613.307.407	27.613.307.407
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN Hà Nội (4)	42.667.168.129	42.667.168.129	95.535.656.791	126.932.148.138	11.270.676.782	11.270.676.782
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) (5)	44.946.508.309	44.946.508.309	42.117.382.410	82.607.059.762	4.456.830.957	4.456.830.957
Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam (6)	39.891.083.811	39.891.083.811	46.004.552.672	85.895.636.483	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (7)	12.839.705.729	12.839.705.729	-	12.839.705.729	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (8)	23.883.792.532	23.883.792.532	166.032.512.927	119.925.297.208	69.991.008.251	69.991.008.251
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (9)	-	-	9.960.429.476	-	9.960.429.476	9.960.429.476
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (10)	-	-	19.829.114.719	-	19.829.114.719	19.829.114.719
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (11)	-	-	27.904.594.244	-	27.904.594.244	27.904.594.244
Ông Nguyễn Bá Hùng	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	01/01/2019		31/12/2019			
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	<u>57.939.209.546</u>	<u>57.939.209.546</u>	<u>66.364.817.220</u>	<u>57.382.567.739</u>	<u>66.921.459.027</u>	<u>66.921.459.027</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30.727.910.964	30.727.910.964	16.943.538.959	28.727.910.964	18.943.538.959	18.943.538.959
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Láng Hạ	131.599.992	131.599.992	87.733.368	131.599.992	87.733.368	87.733.368
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - CN Sở giao dịch	-	-	1.010.000.000	-	1.010.000.000	1.010.000.000
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	14.941.000.148	14.941.000.148	13.292.043.890	15.709.874.450	12.523.169.588	12.523.169.588
Công ty Cho Thuê TC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.573.960.000	3.573.960.000	3.555.527.273	3.555.887.273	3.573.600.000	3.573.600.000
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	8.564.738.442	8.564.738.442	10.414.666.510	9.257.295.060	9.722.109.892	9.722.109.892
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumitrust CN Hà Nội	-	-	21.061.307.220	-	21.061.307.220	21.061.307.220
b) Vay và nợ dài hạn (II)	69.886.834.017	69.886.834.017	184.627.139.879	114.677.307.631	139.836.666.265	139.836.666.265
Từ 1 đến 5 năm	<u>69.886.834.017</u>	<u>69.886.834.017</u>	<u>184.627.139.879</u>	<u>114.677.307.631</u>	<u>139.836.666.265</u>	<u>139.836.666.265</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (12)	21.944.545.429	21.944.545.429	-	16.943.538.959	5.001.006.470	5.001.006.470
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Láng Hạ (13)	87.733.368	87.733.368	-	87.733.368	-	-
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - CN Sở giao dịch (14)	-	-	3.030.000.000	1.935.833.337	1.094.166.663	1.094.166.663
Công ty TNHH V&H Việt Nam (15)	-	-	39.800.000.000	-	39.800.000.000	39.800.000.000
Công ty TNHH TM DV Hùng Phát (16)	-	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Bà Trần Thị Lê Hải (17)	-	-	10.662.859.043	-	10.662.859.043	10.662.859.043

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	01/01/2019		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		31/12/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ		
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	(18)	22.180.417.667	22.180.417.667	2.611.697.853	13.553.145.890	11.238.969.630	11.238.969.630	
Công ty Cho Thuê TC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	(19)	9.712.928.000	9.712.928.000	-	3.555.527.273	6.157.400.727	6.157.400.727	
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaillease - Chi Nhánh Hà Nội	(20)	15.961.209.553	15.961.209.553	12.558.424.991	16.476.629.740	12.043.004.804	12.043.004.804	
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumitrust CN Hà Nội	(21)	-	-	100.964.157.992	62.124.899.064	38.839.258.928	38.839.258.928	
Tổng (I+II)		574.569.921.999	574.569.921.999	1.432.469.680.253	1.323.890.226.146	683.149.376.106	683.149.376.106	

Trong đó:

- (1) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm 3 hợp đồng vay. Cụ thể như sau:
- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2019/7610660/HĐTD ký vào ngày 10/09/2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng trong đó bao gồm cả dư nợ ngắn hạn của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2018/7610660/HĐTD ngày 27/09/2018. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 10/09/2020. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất thuê tại KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn thành phố Phú Lý, Hà Nam theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê số công chứng 4131 quyền số 01/2015/TP/CC-SCC/HĐTC ngày 30/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung giá trị 152,997 tỷ đồng; Xe ô tô Bentley - BKS 29A-398.88 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/TP/CC-SCC/HĐTBĐ ngày 27/10/2015 và các phụ lục sửa đổi bổ sung giá trị 4,1 tỷ đồng; máy nghiền Fomex theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2019/1623476/HĐTBĐ ngày 31/05/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung.
 - Các khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/1623476/HĐTD ngày 10/9/2019 với hạn mức vay tối đa là 180.000.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, phát hành L/C, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm bao gồm tài sản gắn liền với đất thuê số công chứng 4131 quyền số 01-2015/TP/CC-SCC/HĐTD ngày 30/10/2015; xe ô tô Bentley - BKS 29A 398.88.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/7939037/HĐTD ký vào ngày 10 tháng 09 năm 2019 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với hạn mức tín dụng là 30 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, được nhận nợ bằng cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó bao gồm cho vay, bảo lãnh, mở LC (trừ phần ký quỹ). Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất thuê.
- (2) Các khoản vay Ngân hàng Shinhan Việt Nam theo hợp đồng số 130000446932 ngày 05/7/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 130000446932-004 ngày 7/8/2018 với hạn mức vay là 20.000.000.000 đồng với lãi suất vay thả nổi, Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 30.000.000.000 đồng.
- (3) Các khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 121/2017-HĐCVHM/NHCT140-NHUADONGA và Hợp đồng tín dụng số 07/2019-HĐCVHM/NHCT140-NHUADONGA ngày 08/5/2019 với hạn mức vay là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn: để bổ sung vốn lưu động thanh toán các khoản chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, Tài sản đảm bảo bao gồm giá trị hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp số 13/2018/HĐTCHTK/NHCT140-NHUADONGA ngày 08/1/2018; Các loại máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 0705/2019/HĐBĐ/NHCT140-NDA1 ngày 07/5/2019 và hợp đồng thế chấp số 0705/2019/HĐBĐ/NHCT140-NDA1 ngày 07/5/2019.
- (4) Các khoản vay theo hợp đồng hạn mức giữa Ngân hàng Maybank chi nhánh Hà Nội với hạn mức vay 2.000.000 USD, mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là giá trị hàng tồn kho luân chuyển.
- (5) Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/082017-784 ngày 08/08/2017; giá trị hạn mức tín dụng 45 tỷ đồng; lãi suất theo khế ước nhận nợ từng lần; thời hạn cho vay từng lần tối đa là 6 tháng, mục đích vay để nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, thanh toán bộ chứng từ LC nhập khẩu theo các hóa đơn và tờ khai hải quan, mua hàng trong nước hoặc nhập khẩu thanh toán qua tài khoản; tài sản đảm bảo là các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số MA/082017-88 ngày 08/08/2017 giá trị ít nhất 15 tỷ đồng, hàng hóa theo hợp đồng thế chấp số MA/082017-89 ngày 08/08/2017 giá trị ít nhất 15 tỷ đồng, các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số MA/082017-87 ngày 08/08/2017 giá trị ít nhất 37 tỷ đồng.
- (6) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 16/11/2017 ký giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam, hạn mức vay ngắn hạn là 2.000.000 USD với lãi suất theo các giấy nhận nợ là 6,5%/năm, thời hạn vay 5 tháng, mục đích tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động.
- (7) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2012NDA/2018/HĐTD ngày 6/7/2018 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, hạn mức cấp tín dụng là 150.000.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ.
- (8) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-180051316 ngày 17/12/2018, hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-190132726 ngày 17/12/2019 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, hạn mức cấp tín dụng là 70.000.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (9) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 86/2019-HĐCV/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ký giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long, hạn mức cấp tín dụng là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (10) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1929500038 ngày 06/11/2019 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, hạn mức cấp tín dụng là 20.000.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo là 01 bất động sản tại Tổ hợp nhà ở đa năng 28 tầng, Làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 730500 mang tên ông Nguyễn Bá Hùng và bà Trần Thị Lê Hải.

- (11) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 246/2019/HĐTD/TTKD CGY/01 ngày 18/11/2019, hợp đồng tín dụng số ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong, hạn mức cấp tín dụng là 60.000.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (12) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm 3 hợp đồng vay dài hạn với số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2019 là 23.944.545.429 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2019 là 18.943.538.959 VND). Cụ thể như sau:
 - Hợp đồng tín dụng số 04/2016/7610660/HĐTD ngày 5/12/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 12.495.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn theo cơ chế lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất cho vay kỳ đầu là 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn tối đa là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên, mục đích vay để đầu tư tài sản cố định gián tiếp - Xây dựng nhà kho, nhà xưởng, cải tạo nhà điều hành văn phòng tại KCN Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam (gọi tắt là "Dự án"). Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án.
 - Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2015/7610660/HĐTD ngày 27/10/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, lãi suất cho vay kỳ đầu 8,8%/năm, lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn cấp tín dụng là 60 tháng kể từ ngày đầu rút vốn, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư nhà máy sản xuất tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7610660/HĐTD ngày 03/05/2017, giá trị hạn mức tín dụng là 16.100.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn theo cơ chế lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất cho vay 10,2%/năm áp dụng tới ngày 01/10/2017, lãi suất nợ quá hạn tối đa là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên, thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, mục đích vay để thanh toán các chi phí phù hợp thuộc dự án đầu tư mở rộng nhà máy giai đoạn 2 sản xuất tấm Fomex và hệ thống phụ trợ tại KCN Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam gồm các hạng mục: Xây dựng nhà xưởng, hệ thống san nền, đường nội bộ, rãnh nước, đầu tư 02 máy sản xuất tấm Fomex và hệ thống phụ trợ theo biên bản hợp hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 24/02/2017 (gọi tắt là "Dự án"). Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án.
- (13) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1523100133/HĐTD ngày 19/08/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 658.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 60 tháng, mục đích vay mua tài sản cố định, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.
- (14) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Sở giao dịch theo hợp đồng số 19.01.TDH.120853/HĐTD-SGD ngày 21 tháng 01 năm 2019, với số tiền vay là 3.030.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay trong 06 tháng đầu tiên là 7,3%/năm, lãi suất sau đó được áp dụng theo công thức: bằng lãi suất cơ sở (+) margin tối thiểu 3,6%/năm và sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Mục đích vay để đầu tư 01 Xe ô tô Lexus, màu nâu, xe 8 chỗ, số tự động, xe đã qua sử dụng, xuất xứ: Nhật Bản, sản xuất năm 2015. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (15) Khoản vay dài hạn của Công ty TNHH V&H Việt Nam theo hợp đồng vay ngày 01/04/2019 với thời hạn vay 60 tháng và lãi suất 0% từ ngày 11/4/2019 đến 31/12/2019, từ ngày 01/01/2020 theo lãi suất liên ngân hàng.
- (16) Khoản vay dài hạn của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát theo hợp đồng vay ngày 20/12/2019 với thời hạn vay 60 tháng và lãi suất 0% từ ngày 20/12/2019 đến 31/12/2019, từ ngày 01/01/2020 theo lãi suất liên ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- (17) Khoản vay dài hạn bà Trần Thị Lê Hải theo hợp đồng số 305-SMW ngày 06/09/2019, thời hạn vay là 24 tháng với lãi suất 0%/ tháng.
- (18) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số 2017-00269-000 ngày 18/12/2017 về việc mua sắm máy trộn nguyên vật liệu, thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất thuê 7,8%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính bên thuê sẽ cam kết mua lại tài sản cho thuê.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 2017-00068-000 ngày 27/4/2017 với Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy đùn PVC với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất 8,3%/năm có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán sau mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,8% giá mua.
 - Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng thuê tài chính số 2018-00016-000 ngày 29/03/2018 với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về việc thuê hệ thống máy thí nghiệm, thời hạn thuê 36 tháng, lãi suất 7,76%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 1% giá mua.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 2017-00214-000 ngày 29/09/2017 với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê 3 dây chuyền sản xuất tấm ốp trần nhựa, thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất 7,8%/năm. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,5% giá mua.
- (19) Khoản nợ thuê tài chính Công Ty Cho Thuê TC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.100/2005/TSC - CTTC ngày 14/12/2015 về thuê Dây chuyền đùn Theysohn CON 63, Dây chuyền đùn Theysohn TTS 88, Dây chuyền đùn Theysohn CON 50 với thời hạn thuê 72 tháng, lãi suất thuê 8,5%/năm trong 6 tháng đầu, sau 6 tháng được điều chỉnh bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị 26.000.000 VND.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.001/2016/TSC-CTTC ngày 19/01/2016 với số tiền thuê là 1.258.000.000 đồng. Thời hạn thuê là 72 tháng, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng +4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay dài hạn quy định trong từng thời kỳ, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho thuê trong hạn. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 438.400.000 VND (trong đó nợ đến hạn trả là 170.400.000 VND).
- (20) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaillease - Chi Nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số C180605912 ngày 03/07/2018 về Hệ thống máy đùn thanh nhựa và hạt nhựa, thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất 7,77%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng thuê tài chính số C181120412 ngày 22/11/2018 về việc thuê Máy gia công phủ màng laminate cho tấm nhựa PVC, thời hạn thuê 34 tháng, lãi suất 7,17%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng thuê tài chính số C181121112 ngày 29/11/2018 về việc thuê Hệ thống máy trộn nguyên liệu PVC và hệ thống máy đùn nhựa, thời hạn thuê 34 tháng, lãi suất 7,17%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng thuê tài chính số C181130112 ngày 28/11/2018 về việc thuê Dây chuyền sản xuất tấm ốp trần bằng nhựa, thời hạn thuê 34 tháng, lãi suất 7,17%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Hợp đồng thuê tài chính số C190536012 ngày 19/06/2019 về Máy gia công phủ màng cho tấm nhựa PVC, thời hạn thuê 36 tháng, lãi suất 7,43%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng thuê tài chính số C190617712 ngày 27/06/2019 về Máy sản xuất tấm trần, thời hạn thuê 46 tháng, lãi suất 8,03%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- (21) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumitrust CN Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng thuê số 21719000115/HĐTTC ngày 6/6/2019 về việc thuê dây chuyền sản xuất tấm trần PVC SJSJ65/138 với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 21719000109/HĐTTC ngày 30/05/2019 đồng về việc thuê dây chuyền sản xuất tấm tủ và tấm trần thả (SJSZ65/138) với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 21719000126/HĐTTC ngày 18/06/2019 đồng về việc thuê Máy đùn nhựa dùng để sản xuất tấm tủ nhựa PVC, model HBC 65/138 với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 21719000154/HĐTTC ngày 12/08/2019 đồng về việc thuê máy gia công phủ màng cho tấm nhựa PVC 600 và máy gia công phủ màng cho tấm nhựa PVC 300 với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 21719000156/HĐTTC ngày 12/08/2019 đồng về việc thuê hệ thống máy băm nhựa phế liệu công suất nhỏ, model SWP-300, kích thước 1500*17 với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 21719000155/HĐTTC ngày 12/08/2019 đồng về việc thuê máy gia công cắt nghiền Plastie GSP 600/500.PM5(Đức) (M6.8,M6.9,M12.3,M12.4) với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 21719000153/HĐTTC ngày 12/08/2019 đồng về việc thuê dây chuyền sản xuất tấm cửa nhựa với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 21719000152/HĐTTC ngày 15/08/2019 đồng về việc thuê máy đùn tấm trần nhựa Profile Cincinnatti trục vít Titan 45 (Model SJSZ65/1) với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 21719000160/HĐTTC ngày 19/08/2019 đồng về việc thuê dây chuyền băm và đùn nhựa SPC model SJSZ92/138 với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 21719000161/HĐTTC ngày 19/08/2019 đồng về việc thuê hệ thống máy băm nhựa phế liệu công suất lớn, model SWP-600, kích thước 1500*17 với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
 - Hợp đồng số 21719000162/HĐTTC ngày 22/08/2019 đồng về việc thuê máy phay đồ LXDA_200, máy cắt hai đầu LJZ2-450x100 VA, máy ốp góc LMB -120B VI với thời hạn thuê 36 tháng với lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.

- Hợp đồng số 21719000117/HĐTTC ngày 26/08/2019 đồng về việc thuê dây chuyền máy đùn nhựa để sản xuất tấm mica PMMA - MS - GPPS với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- Hợp đồng số 21719000176/HĐTTC ngày 05/09/2019 đồng về việc thuê dây chuyền sản xuất cửa với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.

Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
	VND	VND	VND
Năm 2019			
Trên 1 năm đến 5 năm	82.562.066.709	7.350.157.337	75.211.909.372
Trên 5 năm	-	-	-
Tổng	82.562.066.709	7.350.157.337	75.211.909.372
Năm 2018			
Trên 1 năm đến 5 năm	41.675.026.722	7.974.190.940	33.700.835.782
Trên 5 năm	-	-	-
Tổng	41.675.026.722	7.974.190.940	33.700.835.782

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Jampoo Union Corp	12.871.428.698	12.871.428.698	14.443.059.225	14.443.059.225
Y&M International Corp	10.257.380.726	10.257.380.726	25.013.426.914	25.013.426.914
Foshan Gaoming Hengrui Export and Import Co.,Ltd	20.749.516.977	20.749.516.977	22.505.190.274	22.505.190.274
Công ty TNHH Thương Mại Phú Đức	15.250.705.429	15.250.705.429	-	-
Các đối tượng khác	61.200.054.041	61.200.054.041	65.840.791.523	65.840.791.523
Tổng	120.329.085.871	120.329.085.871	127.802.467.936	127.802.467.936
b) Phải trả người bán dài hạn				
Foshan Gaoming Hengrui Export and Import Co.,Ltd	38.840.560.000	38.840.560.000	-	-
Tổng	38.840.560.000	38.840.560.000	-	-

c) Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty CP Tổng Công ty Mbland	845.733.195	3.213.138.819
Công ty TNHH V&H Việt Nam	11.235.640.920	3.516.788.637
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ A Tổng	-	341.888.772
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Nam Nguyên Hoàng	1.559.094.791	1.875.696.791
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	2.997.212.218	-
Công ty TNHH Danpla Việt Nam	5.668.748.005	-
Các đối tượng khác	7.922.743.651	1.944.215.153
Tổng	30.229.172.780	10.891.728.172

c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2019 VND
a) Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	-	730.862.948	730.862.948	-
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.561.752.561	19.807.764.079	18.476.915.719	2.892.600.921
Thuế xuất nhập khẩu	174.766.039	2.271.046.028	2.315.967.260	129.844.807
Thuế TNDN	10.630.101.110	18.282.584.114	13.318.352.657	15.772.598.257
Thuế thu nhập cá nhân	269.361.867	144.806.277	179.073.189	235.094.955
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	839.592.000	472.972.805	366.619.195
Thuế, phí khác	40.409.155	29.098.000	29.098.000	40.409.155
Tổng	12.676.390.732	42.105.753.446	35.523.242.578	19.437.167.290
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	174.249.240	174.249.240
Thuế khác	6.527.802	492.000	-	6.035.802
Tổng	6.527.802	492.000	174.249.240	180.285.042

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí dịch vụ	250.000.000	200.000.000
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng tại KCN Châu Sơn - Hà Nam	420.288.720	450.240.400
Chi phí phải trả khác	29.010.000	29.010.000
Tổng	699.298.720	679.250.400

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Các khoản phải trả ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.529.218.535	1.381.568.565
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.413.342.346	406.937.170
Nhận ký quỹ, ký cược		-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.541.863.812	17.712.094.895
- Ông Nguyễn Bá Hùng (i)	14.228.738.000	1.738.738.000
- Bà Trần Thị Lê Hải	451.262.400	325.452.000
- Cổ tức phải trả	711.352.825	13.291.127.950
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát (ii)	5.267.079.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH (ii)	6.301.147.650	-
- Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam (ii)	641.250.000	-
- Các đối tượng khác	2.941.033.937	2.356.776.945
Tổng	33.484.424.693	19.500.600.630
b) Các khoản phải trả dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	337.821.091	56.981.091
Tổng	337.821.091	56.981.091

(i) Khoản tiền Ông Nguyễn Bá Hùng cho mượn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(ii) Các khoản phải trả về cổ tức đối với cổ phần chưa niêm yết.

c) Các khoản phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**5.19 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	778.376.734	599.463.236
Tổng	778.376.734	599.463.236

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.20 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2018	493.286.910.000	8.021.921.439	(8.060.000)	47.872.927.383	549.173.698.822
Tăng vốn trong năm	24.663.940.000	(30.000.000)	(4.870.000)	(24.663.940.000)	(34.870.000)
Lãi trong năm	-	-	-	53.959.880.778	53.959.880.778
Tăng khác	-	-	-	4.491.274.533	4.491.274.533
Chia cổ tức	-	-	-	(24.663.940.000)	(24.663.940.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(7.180.939.108)	(7.180.939.108)
Số dư 01/01/2019	517.950.850.000	7.991.921.439	(12.930.000)	49.815.263.586	575.745.105.025
Vốn góp trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	53.158.186.674	53.158.186.674
Công ty mẹ nhận cổ tức từ các công ty con (i)	-	-	-	47.291.963.288	47.291.963.288
Công ty con phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	(47.291.963.288)	(47.291.963.288)
Tặng khác	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2019	517.950.850.000	7.991.921.439	(12.930.000)	102.973.450.260	628.903.291.699

(i) Các Công ty con phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

Theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ngày 26/04/2019, chuyển toàn bộ lãi năm 2018 của các công ty con về công ty mẹ chi tiết như sau:

	Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Lợi ích của Công ty mẹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại Công ty con
Trả cổ tức trên vốn điều lệ	35.810.542.318	4.684.853.726	6.796.567.240	47.291.963.284	-
Điều chỉnh trên BCTC hợp nhất	-	-	-	(47.291.963.284)	-
Cộng	35.810.542.318	4.684.853.726	6.796.567.240	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 517.950.850.000 đồng, chia thành 51.795.085 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 31/12/2019 như sau:

Cổ đông	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	110.608.650.000	21,36%	110.608.650.000	21,36%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	139.288.520.000	26,89%	139.288.520.000	26,89%
Các cổ đông khác	268.053.680.000	51,75%	268.053.680.000	51,75%
Tổng	517.950.850.000	100%	517.950.850.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	517.950.850.000	493.286.910.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	24.663.940.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	517.950.850.000	517.950.850.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	24.663.940.000

Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.795.085	51.795.085
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.795.085	51.795.085
- Cổ phiếu phổ thông	51.795.085	51.795.085
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.293	1.293
- Cổ phiếu phổ thông	1.293	1.293
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.793.792	51.793.792
- Cổ phiếu phổ thông	51.793.792	51.793.792
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các quỹ của doanh nghiệp

	01/01/2019 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.889.306.294	-	-	30.889.306.294
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.	12.450.839.813	-	-	12.450.839.813
Tổng	43.340.146.107	-	-	43.340.146.107

5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	5.867,14	3.113,98

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.627.135.007.496	1.477.985.372.481
Doanh thu cung cấp dịch vụ, lắp đặt	5.122.052.996	77.351.788.133
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	3.181.818.182	-
Tổng	1.635.438.878.674	1.555.337.160.614

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	1.471.479.876.799	1.346.340.976.849
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	3.058.212.331	65.746.319.181
Giá vốn bất động sản đầu tư	3.148.041.168	-
Tổng	1.477.686.130.298	1.412.087.296.030

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	5.514.935	16.607.273
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	413.165.602	1.605.174.610
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	40.586.000
Tổng	418.680.537	1.662.367.883

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	47.402.081.928	40.187.885.826
Lỗi chênh lệch tỷ giá	193.248.802	3.963.324.457
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.468.496.535	1.353.179.647
Tổng	49.063.827.265	44.151.210.283

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thanh lý tài sản	1.133.955.325	1.118.218.169
Thu phạt nhân viên	59.085.095	82.421.211
Xử lý nợ phải trả	-	837.476.361
Thu cước vận chuyển	-	552.841.931
Thu nhập khác	139.917.357	171.778.705
Tổng	1.332.957.778	2.762.736.377

6.6 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nộp phạt hành chính về thuế	791.474.646	397.045.783
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	1.494.656.995	-
Xử lý công nợ phải thu	-	432.906.076
Chi phí khác	221.311.087	28.376.113
Tổng	2.507.442.728	858.327.972

6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	22.335.311.524	23.215.884.728
Chi phí nhân viên	7.883.373.209	9.202.848.439
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.118.886.040	2.884.019.182
Các khoản chi phí QLDN khác.	12.333.052.275	11.129.017.107
b) Các khoản chi phí bán hàng	14.387.180.756	12.987.119.510
Chi phí nhân viên	4.343.320.987	5.935.963.741
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.796.307.551	2.017.808.008
Các khoản chi phí bán hàng khác.	8.247.552.218	5.033.347.761

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	487.636.443.108	426.459.117.039
Chi phí nhân công	29.010.718.059	25.698.313.731
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.551.187.477	35.085.386.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.861.957.594	36.507.278.902
Chi phí khác	15.232.661.370	11.384.660.641
Tổng	595.292.967.608	535.134.756.955

6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Lợi nhuận kế toán trong năm của Công ty được đối chiếu về lợi nhuận chịu thuế như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	18.282.584.115	12.502.545.573
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.282.584.115	12.502.545.573

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ và các công ty con sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

6.10 Lãi trên cổ phần

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	53.158.186.674	53.959.880.778
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	53.158.186.674	53.959.880.778
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	51.793.792	49.902.756
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.026	1.081
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.026	1.081

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN HỢP NHẤT**7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Ghi nhận tăng tài sản cố định thuê tài chính tương ứng với ghi nhận tăng khoản nợ thuê tài chính	104.912.288.348	-
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu thường	-	24.663.940.000
Cổ tức phải trả bù trừ với khoản nợ thu trong năm	-	20.738.404.500

7.2 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.260.494.770.202	1.042.713.668.528

7.3 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	1.181.615.695.071	1.008.734.916.125
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	75.211.909.372	33.700.835.782
Tổng	1.256.827.604.443	1.042.435.751.907

7.4 Thông tin khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện ghi nhận thành chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ của các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ	-	394.532.237
Tổng	-	394.532.237

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	349.308.669	355.566.800

8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Đối tượng	Giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	Bán hàng	500.797.532.771	365.640.042.364
	Mua hàng	147.965.477.133	131.300.360.146
	Vay	15.000.000.000	-
Công ty TNHH V&H Việt Nam	Bán hàng	736.757.342.796	841.620.704.703
	Vay	39.800.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đối tượng	Giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Ông Nguyễn Bá Hùng	Vay, mượn	21.990.000.000	-
	Trả vay, mượn	9.500.000.000	-
Bà Trần Thị Lê Hải	Vay	10.662.859.043	-

Chính sách mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu được áp dụng tương tự với các đơn vị khác, không có sự khác biệt về giá mua, bán.

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Đối tượng/Nội dung	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát		
- Phải thu thương mại	18.450.855.622	52.287.006.427
- Phải thu ngắn hạn khác	112.000.000	20.000.000.000
- Phải trả thương mại	6.188.427.110	31.606.372.459
- Phải trả ngắn hạn khác	5.267.079.000	-
- Vay dài hạn	15.000.000.000	-
Công ty TNHH V&H Việt Nam		
- Phải thu thương mại	66.498.613.264	76.250.859.876
- Người mua trả tiền trước	11.235.640.920	2.819.152.634
- Vay dài hạn	39.800.000.000	-
Ông Nguyễn Bá Hùng		
- Phải trả ngắn hạn khác	14.228.738.000	1.738.738.000
Bà Trần Thị Lê Hải		
- Phải trả ngắn hạn khác	451.262.400	325.452.000
- Vay dài hạn	10.662.859.043	-

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu theo khu vực địa lý	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
Năm 2019			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.627.570.182.570	7 868 696 104	1.635.438.878.674
Tài sản bộ phận	1.614.127.642.707	-	1.614.127.642.707
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	-	-	-
Năm 2018			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.547.468.464.410	7.868.696.204	1.555.337.160.614
Tài sản bộ phận	1.380.254.905.144	-	1.380.254.905.144
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Hoạt động không phân bổ VND	Cộng VND
Năm 2019					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	736.477.202.993	890.657.804.503	2.554.122.892	5.749.748.286	1.635.438.878.674
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	639.673.597.995	831.806.278.804	2.446.426.555	3.759.826.944	1.477.686.130.298
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.803.604.998	58.851.525.699	107.696.337	1.989.921.342	157.752.748.376
Doanh thu hoạt động tài chính				418.680.537	418.680.537
Chi phí hoạt động tài chính				49.063.827.265	49.063.827.265
Chi phí bán hàng				14.387.180.756	14.387.180.756
Chi phí quản lý doanh nghiệp				22.335.311.524	22.335.311.524
Thu nhập khác				1.332.957.777	1.332.957.777
Chi phí khác				2.507.442.728	2.507.442.728
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				71.210.624.417	71.210.624.417
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					
Tài sản bộ phận	954.732.510.070	344.015.228.018	315.379.904.619	-	1.614.127.642.707
Tài sản không phân bổ					
Tổng tài sản					1.614.127.642.707
Nợ phải trả bộ phận	767.074.715.207	119.958.084.363	54.851.405.331	-	941.884.204.901
Nợ phải trả không phân bổ					
Tổng nợ phải trả					941.884.204.901

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Sản xuất		Thương mại		Thi công công trình		Hoạt động không phân bổ		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2018										
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.017.643.757.137		289.414.032.310		248.279.371.167		-	1.555.337.160.614		
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-		-		-		-	-		
Giá vốn hàng bán	908.902.250.404		269.300.391.637		233.884.653.989		-	1.412.087.296.030		
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.741.506.733		20.113.640.673		14.394.717.178		-	143.249.864.584		
Doanh thu hoạt động tài chính							1.662.367.883	1.662.367.883		
Chi phí hoạt động tài chính							44.151.210.283	44.151.210.283		
Chi phí bán hàng							12.987.119.510	12.987.119.510		
Chi phí quản lý doanh nghiệp							23.215.884.728	23.215.884.728		
Thu nhập khác							2.762.736.377	2.762.736.377		
Chi phí khác							858.327.972	858.327.972		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							66.462.426.351	66.462.426.351		
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ							-	-		
Tài sản bộ phận	912.826.632.869		160.981.384.702		306.446.887.573		-	1.380.254.905.144		
Tài sản không phân bổ										
Tổng tài sản										
Nợ phải trả bộ phận	337.115.736.801		130.769.566.593		293.284.350.618		-	1.380.254.905.144		
Nợ phải trả không phân bổ								761.169.654.012		
Tổng nợ phải trả								761.169.654.012		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

9. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu với tỷ lệ cổ tức là 8% vốn chủ sở hữu và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian và phương án phát hành chi tiết. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn thành các thủ tục để phát hành cổ phiếu trả cổ tức.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh trong kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc cho rằng, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.


11. THÔNG TIN SO SÁNH


Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh lại một số chỉ tiêu tại ngày 01/01/2019 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất để phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ và có thể so sánh, chi tiết như sau :

Chi tiêu	Mã số	Tại ngày	Tại ngày	Tăng/giảm
		31/12/2018 (Đã điều chỉnh) VND	31/12/2018 VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	136	25.445.514.277	25.102.255.235	343.259.042
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	504.683.087.982	446.743.878.436	57.939.209.546
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	69.886.834.017	127.826.043.563	(57.939.209.546)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	49.815.263.586	49.472.004.544	343.259.042
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(4.144.617.192)	52.697.000.968	(56.841.618.160)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	53.959.880.778	(3.224.996.424)	57.184.877.202


NGUYỄN THỊ ÚT
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Kế toán trưởng


NGUYỄN BÁ HÙNG
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2020

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Bá Hùng